

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỆ NINH – QUẢNG BÌNH**  
=====o0o=====

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**  
**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LỆ NINH – QUẢNG BÌNH**

QUẢNG BÌNH, NĂM 2017

## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### MỤC LỤC

|                                                                                                       |    |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| <b>HỆ THỐNG BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ</b>                                                                      | 3  |
| <b>HỆ THỐNG TỪ NGỮ VIẾT TẮT</b>                                                                       | 3  |
| <b>PHẦN THỨ NHẤT: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY</b>                                                     | 5  |
| <b>I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÔNG TY</b>                                                                  | 5  |
| 1. Giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình | 5  |
| 2. Ngành nghề kinh doanh                                                                              | 5  |
| 3. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty                                                               | 6  |
| 4. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 04 năm trước khi cổ phần hóa          | 11 |
| 5. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty                                | 16 |
| 6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành                                   | 17 |
| <b>II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>                        | 18 |
| 1. Tình hình tài sản, sử dụng đất                                                                     | 18 |
| 2. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty                                                            | 22 |
| <b>III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP</b>                                                     | 22 |
| <b>PHẦN THỨ HAI: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA</b>                                                            | 25 |
| 1. Căn cứ pháp lý                                                                                     | 25 |
| 2. Mục tiêu và ý nghĩa cổ phần hóa                                                                    | 25 |
| 3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa                                                                 | 26 |
| 4. Hình thức cổ phần hóa                                                                              | 26 |
| 5. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa                                               | 26 |
| 6. Phương án sắp xếp lại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa                                             | 27 |
| 7. Vốn điều lệ Công ty cổ phần                                                                        | 29 |
| 8. Cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần                                                                 | 30 |
| 8.1. Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến                                                                       | 30 |
| 8.2. Cổ phần Nhà nước nắm giữ                                                                         | 30 |
| 8.3. Đối tượng mua cổ phần                                                                            | 31 |
| 8.3.1. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động                                                          | 31 |
| 8.3.2. Cổ phần bán cho Công đoàn                                                                      | 32 |
| 8.3.3. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược                                                          | 32 |
| 8.3.4. Cổ phần chào bán ra bên ngoài                                                                  | 32 |
| 9. Dự kiến chi phí cổ phần hóa                                                                        | 33 |
| 10. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần                                                | 33 |
| <b>PHẦN THỨ BA: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG</b>                                                        | 35 |
| 1. Kế hoạch sắp xếp lao động                                                                          | 35 |
| 2. Giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động không có nhu cầu sử dụng                          | 36 |
| 3. Kế hoạch đào tạo                                                                                   | 36 |
| <b>PHẦN THỨ TƯ: PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT</b>                         | 38 |
| 1. Diện tích đất giữ lại tiếp tục sử dụng theo từng loại đất                                          | 38 |
| 2. Phương án phân bổ quỹ đất cho các mục đích sử dụng cụ thể đến từng đơn vị hành chính cấp xã        | 38 |
| 3. Phương án và kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất                                                  | 39 |
| <b>PHẦN THỨ NĂM: PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA</b>                   | 40 |



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

|                                                                                                       |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 1. Cơ hội và thách thức .....                                                                         | 40        |
| 2. Định hướng chiến lược sau khi cổ phần hóa.....                                                     | 40        |
| 3. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa.....                                                  | 41        |
| 4. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa .....                                                          | 43        |
| 5. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ..... | 48        |
| <b>PHẦN THỨ SÁU: RỦI RO DỰ KIẾN .....</b>                                                             | <b>50</b> |
| 1. Rủi ro kinh tế .....                                                                               | 50        |
| 2. Rủi ro luật pháp .....                                                                             | 50        |
| 3. Rủi ro đặc thù .....                                                                               | 50        |
| 4. Rủi ro của đợt chào bán .....                                                                      | 51        |
| 5. Rủi ro khác.....                                                                                   | 51        |
| <b>PHẦN THỨ BẢY: TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ .....</b>                                             | <b>52</b> |
| 1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt .....                                              | 52        |
| 2. Kiến nghị.....                                                                                     | 52        |

## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### HỆ THỐNG BẢNG BIỂU, SƠ ĐỒ

|                                                                                                                          |    |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa .....                                                       | 7  |
| Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa .....                                                         | 28 |
| Bảng số 1: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2013 – 2016 .....                                                            | 12 |
| Bảng số 2: Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2013- 2016.....                                                           | 13 |
| Bảng số 3: Tỷ trọng chi phí so với Tổng doanh thu trước khi cổ phần hóa.....                                             | 14 |
| Bảng số 4: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm trước cổ phần hóa.....                   | 16 |
| Bảng số 5: Tổng hợp diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng phân theo địa bàn.....                                   | 18 |
| Bảng số 6: Tình hình tài sản Công ty đang sử dụng .....                                                                  | 19 |
| Bảng số 7: Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính vào Giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2015 ..... | 19 |
| Bảng số 8: Tình hình máy móc, thiết bị tính vào Giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2015 .....      | 20 |
| Bảng số 9: Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty theo số liệu sổ sách Kế toán tại thời điểm 31/12/2016 .....      | 21 |
| Bảng số 10: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp .....                                     | 22 |
| Bảng số 11: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015 .....                                                          | 22 |
| Bảng số 12: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến.....                                                                              | 30 |
| Bảng số 13: Dự kiến chi phí cổ phần hóa.....                                                                             | 33 |
| Bảng số 14: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần .....                                                     | 33 |
| Bảng số 15: Sắp xếp lao động theo phòng ban sau khi cổ phần hóa.....                                                     | 35 |
| Bảng số 16: Kế hoạch sắp xếp lao động sau khi cổ phần hóa.....                                                           | 35 |
| Bảng số 17: Diện tích đất giữ lại tiếp tục sử dụng theo từng loại đất .....                                              | 38 |
| Bảng số 18: Phương án phân bổ quỹ đất cụ thể đến từng đơn vị hành chính cấp xã.....                                      | 38 |
| Bảng số 19: Phương án và kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất .....                                                      | 39 |
| Bảng số 20: Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa .....                                                           | 41 |
| Bảng số 21: Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa .....                                                              | 42 |
| Bảng số 22: Kế hoạch sử dụng lao động 05 năm sau cổ phần hóa .....                                                       | 43 |
| Bảng số 23: Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt .....                                                        | 52 |

### HỆ THỐNG TỪ NGŨ VIẾT TẮT

#### Tên viết tắt

Công ty  
Công ty TNHH MTV  
UBND  
CBCNV  
HĐQT  
CPH

#### Tên đầy đủ

Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình  
Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên  
Ủy ban Nhân dân  
Cán bộ công nhân viên  
Hội đồng quản trị  
Cổ phần hóa



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

|      |                      |
|------|----------------------|
| ĐMDN | Đổi mới doanh nghiệp |
| DN   | Doanh nghiệp         |
| TSCĐ | Tài sản cố định      |
| GTDN | Giá trị Doanh nghiệp |
| HĐLĐ | Hợp đồng lao động    |

**PHẦN THỨ NHẤT**  
**GIỚI THIỆU CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP**

**I. TỔNG QUAN CHUNG VỀ CÔNG TY**

**1. Giới thiệu quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình**

**✚ Một số thông tin cơ bản của doanh nghiệp:**

- Tên tiếng Việt : CÔNG TY TNHH MTV LÊ NINH – QUẢNG BÌNH
- Tên tiếng anh : Leninhrubbers@yahoo.com
- Trụ sở chính : Thị trấn Nông trường Lê Ninh, Huyện Lê Thuỷ, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam
- Điện thoại : 0232. 3996215
- Fax : 0232. 3996211
- Email : Leninhrubbers@yahoo.com
- Website : www.leninh.vn
- Mã số thuế : 3100114609
- Vốn điều lệ : 83.894.608.460 đồng
- Hình thức doanh nghiệp : Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước, thuộc UBND tỉnh Quảng Bình

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3100114609 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp ngày lần đầu ngày 13/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 31/10/2014.

**✚ Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình**

Công ty TNHH MTV Lê Ninh - Quảng Bình tiền thân là Nông trường Quốc doanh Lê Ninh được thành lập ngày 24/12/1960 trên cơ sở hợp nhất 36 tập đoàn sản xuất Miền Nam với mục đích chủ yếu là trồng và sản xuất cây cao su, hồ tiêu, một số loại cây ngắn ngày và chăn nuôi đại gia súc.

Ngày 10/04/1998, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 06/1998/QĐ-UBND thành lập Công ty cao su Lê Ninh trên cơ sở Nông trường Lê Ninh với chức năng nhiệm vụ chính: Tổ chức sản xuất, kinh doanh cao su, cung cấp giống, kỹ thuật, trồng mới, thu mua, chế biến, tiêu thụ sản phẩm mủ cao su, tổ chức thực hiện các dự án nông, lâm nghiệp theo hướng kinh doanh tổng hợp, khai thác tiềm năng đất đai và lao động do Công ty quản lý theo quy hoạch, kế hoạch được duyệt.

Ngày 21/12/2004, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 91/2004/QĐ-UBND đổi tên Công ty cao su Lê Ninh thành Công ty Lê Ninh để phù hợp với quy mô sản xuất và đa dạng hóa ngành nghề.

Ngày 29/06/2010, UBND tỉnh Quảng Bình có Quyết định số: 1471a/QĐ-UBND, về việc chuyển Công ty Lê Ninh thành Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh - Quảng Bình do UBND tỉnh làm chủ sở hữu 100 % vốn Nhà nước. Kể từ ngày 01/7/2010, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Lê Ninh-Quảng Bình hoạt động theo Luật doanh nghiệp.

**✚ Địa bàn hoạt động:**

Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước hoạt động trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

**2. Ngành nghề kinh doanh**

- Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su; Buôn bán mủ cao su;



## PHƯƠNG ÁN CỎ PHẢN HÓA

- Khảo sát, thiết kế, lập, thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật – dự toán, giám sát và thi công các công trình liên quan đến trồng mới và chăm sóc cao su;
- Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Chế biến gỗ cao su, gỗ rừng trồng;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống;
- Sản xuất nước lọc tinh khiết;
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

### ✚ Sản phẩm dịch vụ chủ yếu:

Sản phẩm chủ yếu của Công ty là cao su thiên nhiên sơ chế dạng khối, với các chủng loại SVR 3L, SVR 5, SVR 10, phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3769:2004).

### 3. Tổ chức bộ máy hoạt động của Công ty

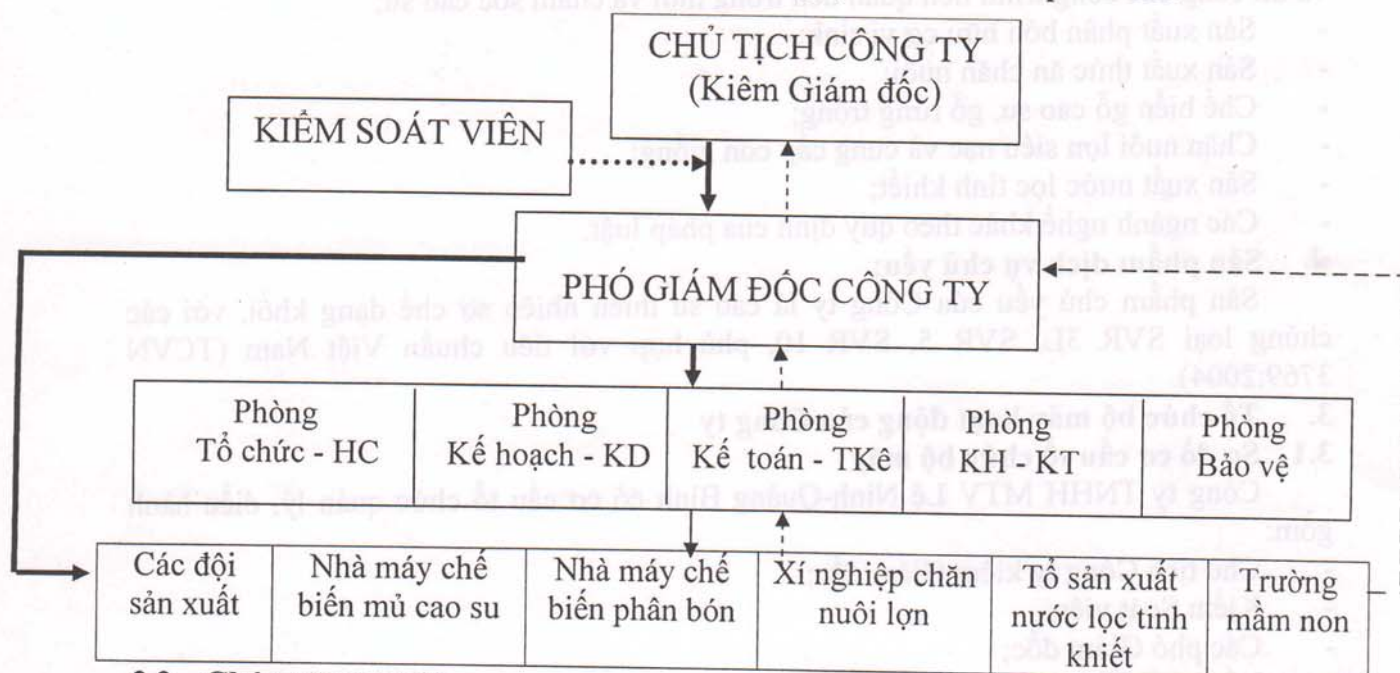
#### 3.1 Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy

Công ty TNHH MTV Lệ Ninh-Quảng Bình có cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành gồm:

- Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc;
- Kiểm Soát viên;
- Các phó Giám đốc;
- Kế toán trưởng;
- Bộ máy giúp việc gồm:
  - + Phòng Tổ chức – Hành chính;
  - + Phòng Kế toán – Thống kê;
  - + Phòng Kế hoạch – Kinh doanh;
  - + Phòng Khoa học – Kỹ thuật;
  - + Phòng Bảo vệ.
- Các đơn vị thành viên trực thuộc Công ty:
  - + Các Đội sản xuất cây cao su, gồm: Đội 1, 2, 3, 4, 5, 10, 19/8, Quyết Tiến;
  - + Nhà máy Chế biến mủ cao su;
  - + Nhà máy chế biến phân bón;
  - + Xí nghiệp chăn nuôi lợn;
  - + Tổ sản xuất nước lọc tinh khiết;
  - + Trường mầm non.



Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty trước khi cổ phần hóa



### 3.2 Chức năng nhiệm vụ

- **Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc:** Là người đại diện theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Quảng Bình (chủ sở hữu), trước pháp luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu tại Công ty. Có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện mục tiêu nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của Chủ sở hữu.
- **Kiểm soát viên Công ty:** Kiểm tra, giám sát việc quản lý và điều hành của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, bộ máy giúp việc của Công ty và các đơn vị thành viên trực thuộc.
- **Các phó Giám đốc Công ty:** Phó Giám đốc là người giúp và tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công của Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được Giám đốc phân công.
- **Kế toán trưởng Công ty:** Tổ chức thực hiện công tác kế toán, thống kê của Công ty; giúp Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, trước pháp luật về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền.
- **Bộ máy giúp việc gồm:** Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, kiểm tra, giúp việc cho Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc trong quản lý điều hành Công ty cũng như trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ sở hữu, của người lao động.

Công ty có 05 Phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc trong quản lý, điều hành công việc như sau:

- + **Phòng Tổ chức – Hành chính:** Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo phân cấp về lĩnh vực tổ chức bộ máy, biên chế cán bộ, công nhân viên chức lao động; đào tạo; thi đua khen thưởng; lao động tiền lương, tiền công; việc làm, đào tạo nghề cho người lao động; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

ng nghiệp; an toàn, vệ sinh lao động; hành chính – quản trị, lễ tân khánh tiết, thư ký – tổng hợp, văn thư lưu trữ, công nghệ thông tin theo quy định của pháp luật.

+ **Phòng Kế hoạch – Kinh doanh:** Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo phân cấp về công tác kế hoạch, kinh doanh, quản lý đất đai, môi trường, quản lý chất lượng sản phẩm, đầu tư và xây dựng cơ bản.

Phối hợp với các phòng nghiệp vụ của Công ty xây dựng quy hoạch, định hướng chiến lược phát triển, các kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm (kế hoạch sản xuất, tiêu thụ, giá thành; cung ứng nguyên, nhiên vật liệu, máy móc thiết bị,...) của Công ty. Hướng dẫn các đơn vị xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển phù hợp với từng thời kỳ phát triển theo mục tiêu Công ty đặt ra. Theo dõi, kiểm tra và đề xuất các biện pháp thúc đẩy việc thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được Công ty xác định;

Hàng năm, cùng với các phòng nghiệp vụ Công ty và các đơn vị trực thuộc xây dựng đồng bộ các kế hoạch: Kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch hoạch vật tư, kế hoạch sản xuất- nghiên cứu kỹ thuật, kế hoạch xây dựng cơ bản, kế hoạch xây dựng tiền lương, kế hoạch tiêu thụ sản phẩm,...;

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty giao kế hoạch và xét duyệt mức độ hoàn thành kế hoạch của các đơn vị trực thuộc. Giúp Lãnh đạo Công ty kiểm tra và tổng hợp tình hình trong quá trình thực hiện kế hoạch, phát hiện các vấn đề và đề xuất giải quyết;

Lập và quản lý các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc mua, bán vật tư, máy móc thiết bị và sản phẩm mủ cao su, cây cao su,...; hợp đồng giao nhận khoán đất trồng rừng sản xuất, cây ngắn ngày,...;

Quản lý, theo dõi việc xuất – nhập vật tư, hàng hóa; thực hiện việc báo cáo sản phẩm cao su sản xuất, tiêu thụ và tồn kho theo định kỳ: ngày, tuần, tháng, quý, năm và đột xuất khi có yêu cầu của Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc;

Theo dõi, quản lý, kiểm tra tình hình quản lý sử dụng đất đai trong Công ty; quản lý môi trường, quản lý chất lượng sản phẩm và ghi nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật; Theo dõi việc thực hiện hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2008;

Tham gia giám định hiện trạng, lập kế hoạch duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các loại máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất;

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc quyết định đầu tư xây dựng, sửa chữa các công trình xây dựng cơ bản cũng như các công trình, máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất, đời sống CBCNV;

Thiết kế, lập dự toán hoặc thẩm định các hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình (đối với các công trình có giá trị xây lắp lớn phải thuê ngoài thiết kế); tham mưu trong việc lựa chọn nhà thầu tư vấn, nhà thầu xây lắp; quản lý chất lượng công trình; giám sát thi công các công trình XD CB và tham gia nghiệm thu, đề xuất thanh toán các hạng mục cũng như toàn bộ công trình khi hoàn thành; Tham gia quản lý các giai đoạn thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đối với các dự án do Công ty đầu tư;

Lập dự toán và theo dõi công trình khai hoang, phục hóa trồng mới và tái canh cao su, chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản;

Chủ trì và phối hợp với Phòng Khoa học – Kỹ thuật trình lãnh đạo Công ty phê duyệt kế hoạch trồng mới, kế hoạch thanh lý, trồng tái canh dài hạn, trung hạn và hàng năm phù hợp với chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty;

Theo dõi, cân đối và đề xuất các biện pháp huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn vốn đầu tư của Công ty, của các tổ chức tín dụng, nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đề xuất biện pháp sử dụng có hiệu quả đất đai, cơ sở vật chất kỹ thuật và các nguồn lực khác trong toàn Công ty. Là đầu mối của Công ty trong công tác đầu tư, liên doanh liên kết đầu tư, kinh doanh trong và ngoài nước;



## PHƯƠNG ÁN CÔ PHÂN HÓA

Xây dựng và hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện cân đối, quản lý các nguồn lực chung như: Đất đai, tiền vốn, vật tư, nguyên liệu, thiết bị, công trình xây dựng theo quy định của Nhà nước và của Công ty;

Lập dự án đầu tư, tiếp nhận hồ sơ và trình lên Lãnh đạo Công ty quyết định các chủ trương đầu tư, dự án đầu tư của Công ty và thẩm định, kiểm tra quá trình thực hiện các dự án đầu tư;

Phối hợp với các phòng: Khoa học – Kỹ thuật, Kế toán – Thống kê và Tổ chức – Hành chính xây dựng, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các đơn giá, định mức kinh tế kỹ thuật các loại vật tư, công cụ dụng cụ giao khoán;

Tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch tháng, quý, 06 tháng, năm để tổ chức các cuộc hội nghị sơ kết, tổng kết theo chỉ đạo của Lãnh đạo Công ty;

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan, ban ngành có liên quan và cho Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu;

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc giao;

+ **Phòng Kế toán – Thống kê:** Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo phân cấp quản lý về công tác tài chính – kế toán của Công ty. Xây dựng kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn và hàng năm trình Lãnh đạo Công ty phê duyệt và tổ chức chỉ đạo thực hiện;

Tổ chức hạch toán kế toán về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Luật Kế toán, quy chế tài chính và các văn bản pháp quy liên quan khác của Nhà nước và của Công ty quy định;

Lập đầy đủ và kịp thời các báo cáo tài chính theo đúng quy định. Lập kế hoạch thu chi tài chính tháng, quý, năm để cân đối kịp thời nguồn vốn đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty trước mắt và lâu dài;

Chủ trì tổ chức thực hiện công tác kiểm kê tiền vốn, công cụ, vật tư, tài sản theo định kỳ hàng năm. Kịp thời phản ánh kết quả kiểm kê tài sản, đồng thời đề xuất các biện pháp xử lý;

Tổ chức phổ biến, hướng dẫn áp dụng kịp thời các chế độ tài chính kế toán, thuế do Nhà nước ban hành cho cán bộ, nhân viên nghiệp vụ kế toán Công ty và kế toán các đơn vị thành viên;

Tham gia xây dựng các chế độ chính sách của Công ty có liên quan đến công tác tài chính kế toán; quản lý, giám sát việc thực hiện các định chế tài chính trong Công ty;

Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, lập báo kế toán thống kê, phân tích hoạt động sản xuất – kinh doanh và tài chính để phục vụ cho việc kiểm tra thực hiện kế hoạch của Công ty;

Ghi chép, phản ánh chính xác, kịp thời và có hệ thống sự diễn biến các nguồn vốn vay; giải quyết các loại vốn, phục vụ cho việc đầu tư phát triển sản xuất, huy động vật tư, nguyên liệu, hàng hóa trong sản xuất – kinh doanh của Công ty;

Theo dõi công nợ của Công ty, phản ánh và đề xuất kế hoạch thu, chi tiền mặt và các hình thức thanh toán khác;

Phối hợp với các phòng nghiệp vụ liên quan: Phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Phòng Khoa học – Kỹ thuật, Phòng Tổ chức – Hành chính, thẩm tra theo dõi, kiểm tra, nghiệm thu quyết toán các công trình XD CB, sửa chữa, trang bị tài sản cố định, vườn cây XD CB, vườn cây sản xuất kinh doanh,...

Chủ trì phối hợp với các phòng nghiệp vụ có liên quan xét duyệt, giao kế hoạch giá thành hàng năm và quyết toán, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh theo định kỳ đối với các đơn vị trực thuộc;

Tham gia xây dựng, sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế tài chính của Công ty;



## PHƯƠNG ÁN CỎ PHẦN HÓA

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty chỉ đạo các đơn vị thực hiện các chế độ quản lý tài chính, tiền tệ theo quy định;

Cùng với Phòng Kế hoạch – Kinh doanh tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc ký kết hợp đồng mua bán sản phẩm sản xuất ra theo từng chủng loại;

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan ban ngành có liên quan và Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu;

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc giao;

+ **Phòng Khoa học – Kỹ thuật:** Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo phân cấp về lĩnh vực kỹ thuật nông nghiệp và các lĩnh vực khác liên quan đến chuyên ngành sản xuất cao su thiên nhiên của Công ty; là đầu mối tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực trên;

Tham gia xây dựng và thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trong nông nghiệp và các lĩnh vực khác liên quan đến sản xuất cao su thiên nhiên của Công ty;

Căn cứ quy trình kỹ thuật của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, tham mưu cho Lãnh đạo Công ty ban hành các quy trình tái canh, trồng mới, chăm sóc vườn cây cao su KTCB, khai thác mủ cao su và chăm sóc vườn cây kinh doanh;

Tham mưu về việc đầu tư khoa học kỹ thuật, áp dụng các biện pháp tăng năng suất;

Phối hợp với Phòng Kế hoạch – Kinh doanh tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong công tác đầu tư phân bón, các loại hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật,... phù hợp với từng loại giống, tuổi cây,... và từng loại mủ nguyên liệu đưa vào chế biến;

Xây dựng các đề án, phương án áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến nhằm nâng cao năng suất và chất lượng vườn cây;

Triển khai, cập nhật và áp dụng bộ giống mới có năng suất chất lượng cao;

Tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất về kỹ thuật trồng, chăm sóc, khai thác mủ cao su; tổng kết thực tiễn sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp các lĩnh vực khác liên quan đến sản xuất cao su thiên nhiên; tổ chức xây dựng các mô hình điểm và triển khai rộng rãi trong sản xuất;

Kết hợp với các phòng chuyên môn có liên quan tổ chức kiểm kê cây cao su hàng năm, phân tích, đánh giá các số liệu liên quan để tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc xét duyệt và giao kế hoạch trồng mới, tái canh, chăm sóc, khai thác mủ cao su cho các Đội sản xuất trực thuộc;

Tham mưu trong việc tổ chức các lớp đào tạo, luyện thi tay nghề công nhân hàng năm;

Phối hợp với các phòng nghiệp vụ tham mưu cho Lãnh đạo Công ty có quy chế xây dựng đơn vị 2 tấn/ha (tổ, đội,...);

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan ban ngành có liên quan và Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu;

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc giao.

+ **Phòng Bảo vệ:** Có chức năng tham mưu, giúp Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc theo phân cấp về lĩnh vực pháp lý; công tác an ninh, quốc phòng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ tài sản sản phẩm của Công ty;

Xây dựng chương trình công tác bảo vệ, quân sự, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tiếp dân theo thẩm quyền của Công ty;

Bảo vệ tài sản, sản phẩm, phối hợp với chính quyền địa phương giữ gìn trật tự trị an trong phạm vi Công ty;



Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty về các vấn đề liên quan đến công tác phòng chống cháy nổ, quản lý, sử dụng các công cụ, phương tiện PCCN trong Công ty; Quản lý vũ khí, công cụ hỗ trợ;

Tham gia đoàn kiểm tra về công tác an toàn – vệ sinh lao động và PCCN định kỳ (6 tháng/lần), cũng như tổ chức kiểm tra đột xuất công tác PCCN khi có yêu cầu;

Tiếp nhận, xác minh và kiến nghị giải quyết các đơn khiếu tố, khiếu nại và tố cáo do Lãnh đạo Công ty chuyển đến;

Nghiên cứu, giải quyết và phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương giải quyết các vấn đề pháp lý của Công ty;

Tham mưu cho Lãnh đạo Công ty và Ban chỉ huy quân sự Công ty thực hiện tốt Luật dân quân tự vệ;

Tham mưu xây dựng phương án, kế hoạch phòng, chống thiên tai nhằm giảm nhẹ thiệt hại và tìm kiếm cứu nạn hàng năm;

Xây dựng kế hoạch, phát động phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; Lập kế hoạch bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ hàng năm cho lực lượng bảo vệ;

Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất cho các cơ quan ban ngành có liên quan và Lãnh đạo Công ty khi có yêu cầu;

Thực hiện các nhiệm vụ khác do Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc giao.

### **3.3. Tình hình tổ chức và quản lý điều hành**

Công ty tập trung kiện toàn tổ chức, bộ máy; Tổ chức lại sản xuất, hợp lý hóa từng khâu, từng công đoạn sản xuất và chuẩn bị sản xuất.

Công ty đã quản lý và điều hành toàn diện hoạt động sản xuất kinh doanh, tập trung triển khai nhiệm vụ kế hoạch 5 năm (2016 – 2020), phương án tái cơ cấu Công ty, đề án sắp xếp, đổi mới Công ty. Tập trung chỉ đạo và hỗ trợ có hiệu quả hoạt động của Công ty trên tất cả các hoạt động cơ bản và các mặt trọng yếu.

Công ty đã dự báo, nhận định đúng tình hình, đưa ra những giải pháp thích ứng, cơ bản đối phó được các tình huống; Tăng cường công tác tự kiểm tra và giám sát; Theo định kỳ thực hiện phân tích và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, đánh giá tính hiệu lực và hiệu quả các quyết sách; kịp thời chấn chỉnh và thực hiện các giải pháp để cải thiện quản trị nội bộ.

Công ty thực hiện đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ và đầu tư mới, nâng cao năng lực sản xuất, cải tiến sản phẩm. Mặt khác, chủ động cân đối các nguồn lực và thực hiện nhiều giải pháp thiết thực bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh chủ động hơn, hiệu quả hơn.

Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc, Ban điều hành, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của Công ty đã phát huy tinh thần trách nhiệm, năng lực, kinh nghiệm về tổ chức, quản lý và sản xuất kinh doanh góp phần đem lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp.

## **4. Tình hình hoạt động và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 04 năm trước khi cổ phần hóa**

Được sự đồng ý của UBND tỉnh Quảng Bình, Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình tiến hành thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh sau: trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến mù cưa cao su; Buôn bán mù cưa cao su; Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh; Chế biến gỗ cao su, gỗ rừng trồng.

### **4.1 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm**

#### **✦ Sản phẩm của công ty**

##### **✓ Sản phẩm chính**

Sản phẩm chính của Công ty là cao su thiên nhiên sơ chế dạng khối, với các chủng



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

loại SVR 3L, SVR 5, SVR 10, phù hợp với tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 3769:2004). Sản phẩm do Nhà máy chế biến mủ cao su trực thuộc Công ty chế biến sản xuất có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm của Công ty khá đa dạng, có thể mạnh đối với sản phẩm SVR 3L, SVR 5, SVR 10 là những sản phẩm đạt chất lượng cao dành cho các thị trường khó tính. Chất lượng sản phẩm được các khách hàng tin tưởng và đánh giá cao.

| Chủng loại mủ cao su | Năm 2013        |                             | Năm 2014        |                             | Năm 2015        |                             | Năm 2016        |                             |
|----------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|-----------------|-----------------------------|
|                      | Sản lượng (tấn) | Tỷ trọng trong chế biến (%) | Sản lượng (tấn) | Tỷ trọng trong chế biến (%) | Sản lượng (tấn) | Tỷ trọng trong chế biến (%) | Sản lượng (tấn) | Tỷ trọng trong chế biến (%) |
| SVR 3L               | 1.215,2         | 83,36                       | 639,3           | 80,49                       | 790             | 78,77                       | 813,8           | 79,51                       |
| SVR V5               | 0               | 0                           | 3,4             | 0,43                        | 2               | 0,2                         | 0,2             | 0,02                        |
| SVR V10              | 242,6           | 16,64                       | 151,6           | 19,08                       | 211             | 21,03                       | 209,5           | 20,77                       |
| Tổng cộng            | 1.457,8         | 100                         | 794,3           | 100                         | 1.003           | 100                         | 1.023,5         | 100                         |

### ✓ Sản phẩm phụ

Sản phẩm phụ của Công ty gồm: Phân bón vi sinh; thịt lợn hơi, lợn giống; thức ăn chăn nuôi; nước lọc tinh khiết.

- Phân bón hữu cơ vi sinh do Công ty sản xuất chủ yếu là để cung cấp nội bộ bón cho vườn cao su của Công ty. Công suất sản xuất thực tế 2000-2500 tấn/năm.

- Thịt lợn hơi, con giống: Với quy mô đàn lợn nái duy trì có mặt thường xuyên 300 con cấp ông, bà. Sản phẩm cung cấp ra thị trường trong và ngoài tỉnh chủ yếu là thịt lợn hơi và lợn giống được khách hàng tin tưởng và đánh giá cao.

- Thức ăn chăn nuôi chủ yếu là cung cấp cho đàn lợn của Công ty, chất lượng đảm bảo theo quy định. Công suất sản xuất thực tế: 2000 tấn/năm.

- Nước lọc tinh khiết đóng chai chủ yếu cung cấp cho CBCNV, người lao động của Công ty và tiêu thụ trên địa bàn. Công suất sản xuất th: 1,5 triệu lít/năm.

### ⬇ Cơ cấu doanh thu và lợi nhuận trước khi cổ phần hóa:

**Bảng số 1: Cơ cấu doanh thu thuần giai đoạn 2013 - 2016**

| TT               | Chỉ tiêu                          | Năm 2013          |              | Năm 2014          |              | Năm 2015          |              | Năm 2016          |              |
|------------------|-----------------------------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|-------------------|--------------|
|                  |                                   | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng (%) | Giá trị (tr.đồng) | Tỷ trọng (%) |
| 1                | Doanh thu bán hàng và cung cấp DV | 101.472,4         | 96,3         | 42.680,8          | 90,05        | 42.037,2          | 95,95        | 46.116            | 96,6         |
| -                | Doanh thu bán hàng                | 101.177,1         | 96,02        | 42.359,3          | 89,37        | 41.831,6          | 95,48        | 45.726,6          | 95,75        |
| -                | Doanh thu cung cấp dịch vụ        | 295,3             | 0,28         | 321,5             | 0,68         | 205,6             | 0,47         | 389,4             | 0,85         |
| 2                | Hoạt động tài chính               | 747               | 0,7          | 469,9             | 0,99         | 281,9             | 0,64         | 271,1             | 0,5          |
| 3                | Thu nhập khác                     | 3.150,5           | 3,0          | 4.247,1           | 8,96         | 1.491,9           | 3,41         | 1.369,3           | 2,9          |
| <b>Tổng cộng</b> |                                   | <b>105.369,9</b>  | <b>100</b>   | <b>47.397,8</b>   | <b>100</b>   | <b>43.811</b>     | <b>100</b>   | <b>47.756</b>     | <b>100</b>   |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, 2016 của Công ty)

Doanh thu của Công ty trong những năm qua có xu hướng giảm giai đoạn 2013 – 2015 và tăng nhẹ vào năm 2016, đặc biệt là doanh thu từ hoạt động kinh doanh chính của Công ty. Cụ thể, tổng doanh thu năm 2013 đạt mức 105.369,9 triệu đồng. Năm 2014, tổng doanh thu đạt mức 47.397,8 triệu đồng, giảm 55,02% so với năm 2013. Nguyên



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

nhân là do cơn bão số 10 và 11 năm 2013 đã gây thiệt hại nặng nề đến hàng trăm ha vườn cây cao su khai thác của Công ty. Cùng với thời gian đó là giá cao su trên thị trường liên tục giảm xuống tận đáy, dẫn đến doanh thu của Công ty giảm mạnh trong năm 2014, 2015.

Mặc dù năm 2016 tình hình kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, thời tiết mưa nhiều gây ảnh hưởng đến thu hoạch mủ cao su; sản lượng cao su đạt thấp, giá mủ cao su trên thị trường giảm sâu và ảnh hưởng sự cố môi trường biển, nhưng với quyết tâm cao của tập thể cán bộ, công nhân, lao động Công ty đã vượt qua khó khăn, thách thức, tự lực, năng động, sáng tạo, xử lý tốt tình huống trong sản xuất kinh doanh phù hợp với thị trường và tình hình thực tế.

### ➤ **Kết quả kinh doanh của Công ty trong các năm trước cổ phần hóa**

**Bảng số 2: Một số chỉ tiêu tài chính giai đoạn 2013- 2016**

| TT | Chỉ tiêu                     | ĐVT     | Năm 2013  | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
|----|------------------------------|---------|-----------|----------|----------|----------|
| 1  | Tổng Doanh thu               | Tr.đồng | 105.369,9 | 47.397,8 | 43.811   | 47.756   |
| 2  | Tổng Chi phí                 | Tr.đồng | 97.321    | 47.318,1 | 47.459,8 | 47.635,7 |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế         | Tr.đồng | 8.048,9   | 79,7     | -3.649   | 120,7    |
| 4  | Thuế TNDN                    | Tr.đồng | 2.033,1   | 33,8     |          | 31,09    |
| 5  | Lợi nhuận sau thuế           | Tr.đồng | 6.015,8   | 42,9     |          | 89,6     |
|    | - Tốc độ tăng trưởng         | %       | /         | -99,3    | /        | /        |
| 6  | Số lao động bình quân        | Người   | 826       | 748      | 685      | 585      |
| 7  | Các khoản phải nộp ngân sách | Tr.đồng | 5.210,4   | 1.073,2  | 789,9    | 1.433,4  |
|    | - Tốc độ tăng trưởng         | %       | /         | -79,4    | -26,4    | 81,5     |
| 8  | Nợ phải trả                  | Tr.đồng | 41.472,8  | 52.402,6 | 66.740,9 | 77.334   |
| 9  | Nợ phải thu                  | Tr.đồng | 2.565,6   | 2.591,2  | 1.900,7  | 3.292,4  |
|    | - Trong đó: Nợ khó đòi       | Tr.đồng | 0         | 0        | 0        | 0        |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, 2016 của Công ty).

#### 4.2 **Nguồn cung cấp nguyên vật liệu**

Nguồn nguyên vật liệu của Công ty chủ yếu là mủ cao su tự nhiên tự khai thác từ các Đội chuyên sản xuất cây cao su của Công ty và thu mua từ các hộ dân tiểu điền ở các địa bàn lân cận. Theo thống kê của những năm gần đây thì tỷ lệ tự khai thác chiếm khoảng 90%, thu mua từ tiểu điền khoảng 10%. Việc thu mua từ bên ngoài chủ yếu là để tận dụng năng lực sản xuất của Nhà máy, khấu hao máy móc thiết bị và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

Năm 2013 do ảnh hưởng của cơn bão số 10 nên nguồn nguyên liệu bị giảm khoảng 30% nên nhìn chung chưa đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất. Sự biến động giá cả cũng tác động không nhỏ đến khả năng thu mua từ bên ngoài do việc thu mua phải cạnh tranh với các thương lái và đảm bảo thu mua về chế biến không bị lỗ, dẫn đến khó khăn trong việc thu mua, tăng giá thành trong khi giá bán những năm gần đây thấp.

#### 4.3 **Chi phí sản xuất**

Là một đơn vị sản xuất kinh doanh, mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận luôn được xem là mục tiêu quan trọng đối với Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình, do đó vấn đề tiết kiệm các chi phí, đặc biệt là chi phí phát sinh trong khâu sản xuất đang hết sức được coi trọng ở Công ty.

Tỷ trọng các loại chi phí của Công ty so với tổng doanh thu qua các năm 2013,



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

2014, 2015, 2016 như sau:

**Bảng số 3: Tỷ trọng chi phí so với Tổng doanh thu trước khi cổ phần hóa**

| TT                  | Khoản mục         | Năm 2013             |                         | Năm 2014             |                         | Năm 2015             |                         | Năm 2016             |                         |
|---------------------|-------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|-------------------------|----------------------|-------------------------|
|                     |                   | Giá trị<br>(tr.đồng) | Tỷ trọng/<br>TDT<br>(%) | Giá trị<br>(tr.đồng) | Tỷ trọng/<br>TDT<br>(%) | Giá trị<br>(tr.đồng) | Tỷ trọng/<br>TDT<br>(%) | Giá trị<br>(tr.đồng) | Tỷ trọng/<br>TDT<br>(%) |
| 1                   | Giá vốn hàng bán  | 79.925,9             | 75,85                   | 38.017,1             | 80,21                   | 42.041,3             | 95,96                   | 41.431,1             | 86,76                   |
| 2                   | Chi phí QLDN      | 7.759,3              | 7,36                    | 3.640,4              | 7,68                    | 2.989,1              | 6,82                    | 3.515,1              | 7,36                    |
| 3                   | Chi phí bán hàng  | 467,2                | 0,44                    | 302,6                | 0,64                    | 404,1                | 0,92                    | 470,7                | 0,99                    |
| 4                   | Chi phí tài chính | 2.324,5              | 2,21                    | 1.679,8              | 3,54                    | 1.201,9              | 2,74                    | 1.148,2              | 2,40                    |
| 5                   | Chi phí khác      | 6.844,1              | 6,50                    | 3.678,2              | 7,76                    | 823,4                | 1,88                    | 1.070,4              | 2,24                    |
| <b>Tổng chi phí</b> |                   | <b>97.321</b>        | <b>92,36</b>            | <b>47.318,1</b>      | <b>99,83</b>            | <b>47.459,8</b>      | <b>108,32</b>           | <b>47.635,7</b>      | <b>99,75</b>            |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, 2016 của Công ty)

Nhìn chung, tổng chi phí chiếm tỷ trọng rất cao trên tổng doanh thu, tỷ trọng chi phí/doanh thu bình quân khoảng 100%, trong đó giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất, bình quân khoảng 84,7%. Cơ cấu chi phí của Công ty cho thấy chi phí hoạt động rất cao. Riêng trong năm 2016, giá vốn hàng bán của Công ty lại giảm trong khi Doanh thu của Công ty tăng nhẹ.

Năm 2013 tổng chi phí đạt 97.321 triệu đồng, năm 2014 chi phí chỉ còn 47.318,1 triệu đồng, giảm 51,4% so với tổng chi phí năm 2013 và tất cả các loại chi phí đều giảm mạnh. Tuy nhiên năm 2014 thì tỷ trọng tổng chi phí so với tổng doanh thu lại tăng cao hơn so với năm 2013.

Ngoài Giá vốn hàng bán thì Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng chiếm tỷ trọng khá lớn, bình quân khoảng 7,3%/ tổng doanh thu của Công ty. Các chi phí khác cũng có sự biến động thay đổi qua các năm và chiếm tỷ trọng nhỏ so với tổng chi phí và doanh thu.

#### 4.4. Trình độ công nghệ

Hiện tại Công ty có các dây chuyền sản xuất, trong đó có:

- 01 dây chuyền sản xuất mũ tính SVR với các chủng loại sản phẩm sản xuất được như sau: SVR 3L, SVR 5. Công nghệ của dây chuyền này là công nghệ được nhập khẩu lắp đặt năm 2012 từ các nước: Italia, Nhật bản,... Với công suất thiết kế là 3.000 tấn mũ quy khô/năm. Tuy nhiên, công suất thực tế có khả năng đạt hơn 5.000 tấn/năm.

- 01 dây chuyền sản xuất mũ tạp với công suất thiết kế là 2.000 tấn/năm, các thiết bị này được nhập khẩu từ Malaysia. Công suất thực tế có khả năng đạt hơn 3.000 tấn/năm. Các chủng loại sản phẩm sản xuất được như sau: SVR 10.

Hiện tại, 02 dây chuyền này đảm bảo chế biến hết sản phẩm của Công ty và gia công cho các đơn vị tiểu điền trên địa bàn.

Nhìn chung năng lực sản xuất của Nhà máy có đủ khả năng đáp ứng chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 3769:2004 và thời gian cung ứng sản phẩm theo yêu cầu của khách hàng.

#### 4.5 Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Công ty luôn chú trọng và có chính sách cho hoạt động này như lập nguồn quỹ khoa học công nghệ dành cho hoạt động nghiên cứu cải tiến, đầu tư ứng dụng KHCN vào trong sản xuất. Hàng năm, Công ty cũng đều có chương trình nghiên cứu áp dụng cải tiến máy móc thiết bị ở từng công đoạn và bộ phận khác nhau của dây chuyền sản xuất, cải thiện hiệu quả sản xuất, tiết giảm nhiên liệu, điện năng, giảm thất thoát, tăng chất lượng sản phẩm.

Thành tích đạt được nhờ công nghệ mới đem lại là chất lượng sản phẩm được nâng cao, sản phẩm sản xuất ra luôn phù hợp với tiêu chuẩn TCVN 3769:2004. Năng suất lao động tăng lên và tiết kiệm được chi phí sản xuất như: nhiên liệu, năng lượng, công lao động và năng suất tăng lên,... Vì vậy, đã góp phần làm giảm giá thành sản xuất.

Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật đưa các loại giống cao su vào khảo nghiệm đề tài nhân rộng mô hình sản xuất giống cao su theo khuyến cáo của Viện nghiên cứu cao su Việt Nam với các giống (RRIM712, RRIM600, RRIC121, RRIC100) có năng suất cao, thích nghi với điều kiện thời tiết khí hậu các tỉnh Bắc Trung Bộ.

Sáng kiến cải tiến quy trình khai hoang làm đất trồng mới cao su đã tiết kiệm được chi phí đầu tư 5,03 triệu đồng/ha. Ngoài ra, còn mang lại giải pháp rất lớn về bảo vệ môi trường như: chống xói mòn, giữ được cấu tượng và độ màu mỡ của đất.

### 4.6 Hệ thống quản lý chất lượng

Bộ phận kiểm tra chất lượng: Bộ phận kiểm tra chất lượng gồm 2 cấp: Cấp công ty và cấp đơn vị trực thuộc.

+ Cấp công ty: Ban KCS công ty.

+ Cấp đơn vị: Tiểu ban (tổ) KCS đơn vị.

Bộ phận kiểm tra chất lượng có nhiệm vụ kiểm tra toàn bộ vật tư, nguyên nhiên liệu nhập vào phục vụ cho sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm xuất xưởng, xuất bán cho khách hàng.

### 4.7 Hệ thống marketing

- Giới thiệu thông tin về sản phẩm thông qua website Công ty, thường xuyên cập nhật thông tin trên website.

- Đăng ký giới thiệu thông tin về sản phẩm, về doanh nghiệp trong các buổi hội thảo, tham gia hội chợ.

- Gửi thư chào hàng qua email, gửi mẫu.

### 4.8 Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Là một doanh nghiệp có ngành nghề sản xuất kinh doanh chính : Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ mủ cao su, do đó các hợp đồng lớn của Công ty chủ yếu là cung cấp mủ cao su. Các hợp đồng lớn của Công ty bao gồm.

**Bảng Các hợp đồng đã được ký kết**

| STT | Khách hàng                            | Sản phẩm cung cấp | Thời gian thực hiện | Trị giá (đồng) |
|-----|---------------------------------------|-------------------|---------------------|----------------|
| 1   | Công ty TNHH chế biến cao su Đà Nẵng  | Mủ cao su         | 2017                | HDNT           |
| 2   | Công ty Cổ phần cao su Việt Phú Thịnh | Mủ cao su         | 15/2/2017           | 2.730.000.000  |
| 3   | Công ty Cổ phần cao su Việt Phú Thịnh | Mủ cao su         | 31/3/2017           | 2.110.000.000  |
| 4   | Công ty TNHH TMDV XNK Ánh Dương       | Mủ cao su         | 09/01/2017          | 2.336.250.000  |
| 5   | Công ty TNHH TMDV XNK Ánh Dương       | Mủ cao su         | 13/01/2017          | 1.386.000.000  |

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh)



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### 4.9 Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 04 năm trước khi cổ phần hóa của Công ty

**Bảng số 4: Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các năm trước cổ phần hóa**

| Chỉ tiêu                                                | ĐVT              | Năm 2013  | Năm 2014  | Năm 2015  | Năm 2016  |
|---------------------------------------------------------|------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|
| 1. Tổng giá trị tài sản                                 | Triệu đồng       | 134.129,4 | 145.105,2 | 155.794,4 | 166.867,2 |
| 2. Vốn chủ sở hữu                                       | Triệu đồng       | 92.656,6  | 92.702,5  | 89.053,5  | 89.553,2  |
| 3. Nợ ngắn hạn                                          | Triệu đồng       | 36.167,2  | 41.640,6  | 37.262,7  | 20.447,9  |
| Trong đó, nợ quá hạn                                    | Triệu đồng       | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 4. Nợ dài hạn                                           | Triệu đồng       | 5.305,6   | 10.762    | 29.478,2  | 56.866,1  |
| Trong đó, nợ quá hạn                                    | Triệu đồng       | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 5. Nợ phải thu khó đòi                                  | Triệu đồng       | 0         | 0         | 0         | 0         |
| 6. Tổng số lao động                                     | người            | 826       | 748       | 685       | 585       |
| 7. Tổng quỹ lương                                       | Triệu đồng       | 33.261    | 20.713    | 23.521    | 21.570    |
| 8. Thu nhập bình quân 1 người/tháng                     | Triệu đồng/người | 3,5       | 2,415     | 2,820     | 3,077     |
| 9. Tổng doanh thu                                       | Triệu đồng       | 105.369,9 | 47.397,8  | 43.811    | 47.756    |
| 10. Tổng chi phí                                        | Triệu đồng       | 97.321    | 47.318,1  | 47.459,8  | 47.635,7  |
| 11. Lợi nhuận trước thuế                                | Triệu đồng       | 8.048,9   | 79,7      | -3.649    | 120,7     |
| 12. Lợi nhuận sau thuế                                  | Triệu đồng       | 6.015,8   | 42,9      |           | 89,6      |
| 13. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân | %                | 6,5       | 0,05      | /         | 0,1       |

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014, 2015, 2016 của Công ty)

### 5. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

#### 5.1 Thuận lợi

Do đặc thù là hoạt động sản xuất kinh doanh là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su, thực hiện các chính sách phát triển ngành cao su của Nhà nước, Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo và hỗ trợ kịp thời của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, sự chỉ đạo của Chi bộ, của Ban Giám đốc, cùng các phòng ban chuyên môn, các đơn vị sản xuất, cán bộ công nhân viên đoàn kết thống nhất, tự giác có trách nhiệm với công việc được giao, hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, Công ty đã xây dựng được mối quan hệ và uy tín tốt với các cơ quan ban ngành của địa phương, đây chính là một trong những yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty trong quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty có kinh nghiệm nhiều năm trong ngành và là đơn vị đã hoạt động lâu tại địa phương, Công ty có đội ngũ lao động lành nghề, nguồn khách hàng tiêu thụ ổn định.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của Nhà nước. Do vậy quyền và chế độ của người lao động được đảm bảo.

Công ty còn rà soát và phân tích định mức vật tư, phát hiện những chênh lệch vượt định mức để có biện pháp xử lý kịp thời.

#### 5.2 Khó khăn

Tình hình kinh tế xã hội diễn biến phức tạp, đã tác động đến kết quả hoạt động



SXKD, nhất là tiêu thụ mủ cao su và chế biến gỗ. Tình trạng nguồn kinh phí hạn chế đã dẫn đến việc cắt giảm các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản và các hoạt động đầu tư khác, ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Khó khăn đặc thù sản xuất kinh doanh của ngành khai thác mủ cao su là phụ thuộc nhiều vào điều kiện thời tiết, tài sản phân bố rộng, phân tán trên địa hình đồi núi phức tạp, việc quản lý gặp nhiều khó khăn nhất là công tác bảo vệ sản phẩm luôn diễn biến phức tạp ở nhiều thời điểm, nhiều nơi.

Vườn cây cao su là tài sản ngoài trời do đó chịu nhiều rủi ro như thiên tai, hỏa hoạn.

Giá cả mủ cao su biến động phụ thuộc thị trường thế giới ảnh hưởng tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Mức độ biến động giá cả do cung cầu thị trường điều phối kém hoặc do các Công ty xuất khẩu không ký hợp đồng với các nước nhập khẩu.

Khả năng tiếp cận thông tin thị trường của các doanh nghiệp kinh doanh mủ cao su ở Việt Nam còn kém là nguyên nhân quan trọng làm cho thị trường tiêu thụ mủ cao su kém hiệu quả. Việt Nam chưa xây dựng được quy chuẩn quốc gia về nguyên liệu mủ cao su, do đó thường xuyên xảy ra các hành vi pha trộn tạp chất làm giảm chất lượng nguyên liệu mủ cao su, ảnh hưởng đến uy tín của ngành cao su Việt Nam trên thị trường thế giới.

## **6. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**

### **6.1 Vị thế của Công ty trong ngành**

Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình quản lý diện tích rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Trước năm 2013, Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình có hơn 800 người lao động, với diện tích và sản lượng cao su khổng lồ. Mỗi năm, nông trường thu được hàng nghìn tấn cao su, thu nhập của công nhân bình quân 3,5 triệu đồng/tháng. Hơn thế, diện tích cây cao su của Công ty không ngừng được mở rộng, số lượng cây cao su chuẩn bị cho thu hoạch lớn, mở ra những tiềm năng, dự định mới cho người lao động.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, do bị ảnh hưởng nặng nề từ cơn bão lớn cuối năm 2013, Công ty đang ngày càng nỗ lực khôi phục hiệu quả, năng suất trong lĩnh vực trồng cây cao su.

Xét về quy mô, năng suất lao động, sản phẩm, mức độ đầu tư vào công nghệ, trình độ quản lý, sản xuất, số lượng người lao động của Công ty thì vị thế của Công ty khá tương đồng với một số doanh nghiệp khác cùng ngành trên địa bàn tỉnh Quảng Bình.

### **6.2 Triển vọng phát triển của ngành**

Hình thành vùng sản xuất gỗ nguyên liệu gắn với chế biến lâm sản phục vụ sản xuất, tiêu dùng. Tăng nguồn thu từ dịch vụ môi trường rừng.

Tiếp tục sắp xếp đổi mới Công ty nhằm góp phần tạo công ăn việc làm ổn định cho nhiều lao động, phủ xanh đất trống đồi trọc, tạo môi trường sinh thái bền vững, góp một phần không nhỏ vào kim ngạch xuất khẩu cả nước. Đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế xã hội, giữ vững ổn định chính trị, xã hội, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

### **6.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước**

Qua vị trí, nhiệm vụ chức năng của Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình và định hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp tỉnh Quảng Bình đến năm 2020 và các năm tiếp theo là phù hợp, thuận lợi cho việc sản xuất gắn liền với chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Công ty có nhiều kinh nghiệm trong công tác hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp, chế biến mủ cao su, sản phẩm Công ty sản xuất ra tiêu thụ được ngay, giá thành



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

hợp lý. Đây là yếu tố thuận lợi giúp Công ty có khả năng cạnh tranh sau khi chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần.

Tổ chức quản lý nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động kinh doanh, hình thành vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thâm canh gắn với chế biến và thị trường theo chuỗi giá trị hàng hóa.

Với chiến lược hoạt động kinh doanh gắn với mục tiêu về kinh tế, chính trị, xã hội, hoạt động của Công ty hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước, đây được coi là động lực và yếu tố thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian tới sau khi chuyển sang Công ty cổ phần.

## II. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

### 1. Tình hình tài sản, sử dụng đất

#### 1.1 Tình hình sử dụng đất

Đến thời điểm lập phương án cổ phần hóa 31/12/2015, tổng diện tích Công ty đang quản lý và sử dụng được Nhà nước cấp Quyết định cho thuê đất, cấp GCNQSD đất và trả tiền thuê đất hàng năm: 30.259.045,5 m<sup>2</sup> (trong đó: Đất phi nông nghiệp: 183.431,6 m<sup>2</sup> và đất nông nghiệp: 30.075.613,9 m<sup>2</sup>). Toàn bộ diện tích đất được phân bổ trên địa bàn Thị trấn Nông trường Lệ Ninh, xã Sơn Thủy, xã Phú Thủy, xã Ngân Thủy - huyện Lệ Thủy; xã Vạn Ninh - huyện Quảng Ninh; phường Phú Hải - thành phố Đồng Hới. Diện tích cụ thể phân theo địa bàn hành chính như sau:

**Bảng số 5: Tổng hợp diện tích đất Công ty đang quản lý, sử dụng phân theo địa bàn**

| STT | Đơn vị hành chính | Diện tích (m <sup>2</sup> ) |                     |              | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------------|---------------------|--------------|---------|
|     |                   | Đất nông nghiệp             | Đất phi nông nghiệp | Tổng         |         |
| 1   | TTNT Lệ Ninh      | 4.692.734,2                 | 133.395,8           | 4.826.130,0  |         |
| 2   | Sơn Thủy          | 3.888.663,7                 | 31.561,0            | 3.920.224,7  |         |
| 3   | Phú Thủy          | 5.316.383,0                 | 9.648,0             | 5.326.031,0  |         |
| 4   | Ngân Thủy         | 15.311.335,0                | 7.327,0             | 15.318.662,0 |         |
| 5   | Vạn Ninh          | 866.498,0                   |                     | 866.498,0    |         |
| 6   | Phú Hải           |                             | 1.499,8             | 30.259.045,5 |         |

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình)

Trong những năm qua, Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình đã quản lý sử dụng đất đúng mục đích và khai thác một cách có hiệu quả vào mục đích sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, việc quản lý sử dụng đất đã đảm bảo theo đúng quy định của Luật đất đai cũng như các quy định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Công ty đang quản lý và sử dụng tốt diện tích được giao, ranh giới ổn định, không có tranh chấp.

Tại thời điểm hiện tại 02 đơn vị tư vấn là: Trung tâm lưu trữ TNMT và Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường đã thực hiện xong công tác đo đạc chính lý bản đồ địa chính, cắm mốc ranh giới sử dụng đất và đang hoàn thiện các thủ tục thuê đất cấp đổi lại GCNQSD đất cho Công ty nhằm thực hiện cổ phần hóa theo phương án sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt.

#### 1.2 Tình hình tài sản Công ty đang sử dụng

Tình hình tài sản của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 31/12/2015 như sau:



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

**Bảng số 6: Tình hình tài sản Công ty đang sử dụng**

| STT              | Loại tài sản                               | Giá trị sổ sách        |                        | Giá trị đánh giá lại   |                        |
|------------------|--------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
|                  |                                            | Nguyên giá             | Giá trị còn lại        | Nguyên giá             | Giá trị còn lại        |
| 1                | 2                                          | 3                      | 5                      | 9                      | 10                     |
| <b>A</b>         | <b>TSCĐ đang dùng</b>                      | <b>226.894.462.756</b> | <b>153.283.274.650</b> | <b>223.502.274.345</b> | <b>153.694.596.859</b> |
| <b>I</b>         | <b>TSCĐ và đầu tư dài hạn</b>              | <b>202.845.440.047</b> | <b>129.234.251.941</b> | <b>202.785.880.738</b> | <b>132.978.203.252</b> |
| 1                | TSCĐ hữu hình                              | 125.832.924.499        | 52.628.838.385         | 132.414.061.829        | 63.013.486.335         |
| 1                | Nhà cửa, vật kiến trúc                     | 57.375.013.645         | 28.497.861.827         | 66.576.046.981         | 36.725.439.556         |
| a                | Máy móc, thiết bị                          | 19.104.179.627         | 7.775.321.769          | 19.104.179.627         | 8.073.334.578          |
| b                | Phương tiện vận tải                        | 3.493.274.879          | 1.662.341.886          | 3.493.274.879          | 1.967.678.920          |
| d                | Thiết bị, dụng cụ quản lý                  | 607.119.545            | 228.927.475            | 607.119.545            | 252.052.090            |
| e                | TSCĐ khác                                  | 135.950.800            | 0                      | 135.950.800            | 40.785.240             |
| f                | Vườn cây                                   | 45.117.386.003         | 14.464.385.428         | 42.497.489.997         | 15.954.195.952         |
| 2                | TSCĐ vô hình                               | 983.481.771            | 576.379.779            | 983.481.771            | 576.379.779            |
| 3                | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang            | 74.497.390.315         | 74.497.390.315         | 67.856.693.676         | 67.856.693.676         |
| 4                | Chi phí trả trước dài hạn                  | 1.186.687.679          | 1.186.687.679          | 1.186.687.679          | 1.186.687.679          |
| 5                | Các khoản phải thu dài hạn                 | 344.955.783            | 344.955.783            | 344.955.783            | 344.955.783            |
| <b>II</b>        | <b>Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b> | <b>24.049.022.709</b>  | <b>24.049.022.709</b>  | <b>20.716.393.607</b>  | <b>20.716.393.607</b>  |
| 1                | Tiền                                       | 6.128.627.817          | 6.128.627.817          | 6.128.627.817          | 6.128.627.817          |
| 2                | Các khoản phải thu                         | 5.249.449.573          | 5.249.449.573          | 1.916.820.471          | 1.916.820.471          |
| 3                | Vật tư hàng hóa tồn kho                    | 12.580.884.347         | 12.580.884.347         | 12.580.884.347         | 12.580.884.347         |
| 4                | Tài sản ngắn hạn khác                      | 90.060.972             | 90.060.972             | 90.060.972             | 90.060.972             |
| <b>B</b>         | <b>TSCĐ không cần dùng</b>                 | <b>0</b>               | <b>0</b>               | <b>0</b>               | <b>0</b>               |
| <b>C</b>         | <b>TSCĐ chờ thanh lý</b>                   | <b>13.050.144.369</b>  | <b>1.199.768.586</b>   | <b>13.050.144.369</b>  | <b>1.199.768.586</b>   |
| 1                | Nhà cửa, vật kiến trúc                     | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      |
| 2                | Máy móc, thiết bị                          | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      |
| 3                | Phương tiện vận tải                        | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      |
| 4                | TSCĐ khác + TBDCQL                         | 0                      | 0                      | 0                      | 0                      |
| 5                | Vườn cây cao su                            | 13.050.144.369         | 1.199.768.586          | 13.050.144.369         | 1.199.768.586          |
| <b>D</b>         | <b>TSCĐ hình thành từ QKT, QPL</b>         | <b>1.550.431.500</b>   | <b>1.311.406.653</b>   | <b>1.550.431.500</b>   | <b>1.311.406.653</b>   |
| <b>E</b>         | <b>TSCĐ phục vụ công ích</b>               | <b>597.247.096</b>     | <b>0</b>               | <b>597.247.096</b>     | <b>0</b>               |
| <b>F</b>         | <b>TSCĐ xin điều chỉnh nguồn</b>           | <b>0</b>               | <b>0</b>               | <b>0</b>               | <b>0</b>               |
| <b>Tổng cộng</b> |                                            | <b>242.092.285.721</b> | <b>155.794.449.889</b> | <b>238.700.097.310</b> | <b>156.205.772.098</b> |

(Nguồn: Hồ sơ xác định lại giá trị doanh nghiệp)

**1.3 Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc**

**Bảng số 7: Tình hình nhà cửa, vật kiến trúc tính vào Giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2015**

Đơn vị: đồng

Trang 19



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

| TT               | Tên tài sản                                                    | Giá trị sổ kế toán    |                       | Giá trị đánh giá lại  |                       |
|------------------|----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                  |                                                                | Nguyên giá            | Giá trị còn lại       | Nguyên giá            | Giá trị còn lại       |
| 1                | Tài sản Công ty sử dụng sản xuất kinh doanh                    | 29.807.956.096        | 15.850.731.083        | 39.040.388.704        | 24.104.776.624        |
| 2                | Tài sản chờ xử lý theo Quyết định 3472/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 | 27.567.057.549        | 14.919.926.805        | 12.647.130.744        | 27.567.057.549        |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                | <b>57.375.013.645</b> | <b>28.877.151.818</b> | <b>28.497.861.827</b> | <b>36.751.907.368</b> |

(Nguồn: Hồ sơ xác định lại giá trị doanh nghiệp)

**1.4 Tình hình máy móc, thiết bị**

**Bảng số 8: Tình hình máy móc, thiết bị tính vào Giá trị doanh nghiệp khi cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2015**

Đơn vị: đồng

| TT       | Tên tài sản                                            | Giá trị sổ kế toán    |                      | Theo đánh giá lại     |                      |
|----------|--------------------------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|----------------------|
|          |                                                        | Nguyên giá            | Giá trị còn lại      | Nguyên giá            | Giá trị còn lại      |
| <b>I</b> | <b>Tài sản công ty sử dụng sản xuất kinh doanh</b>     | <b>10.281.467.909</b> | <b>6.356.006.944</b> | <b>10.281.467.909</b> | <b>6.654.019.753</b> |
| 1        | Máy Phô tô copy                                        | 55.627.000            | 0                    | 55.627.000            | 11.125.400           |
| 2        | Máy phun thuốc 700 lít (02 cái) tại kho Công ty        | 130.000.000           | 91.617.374           | 130.000.000           | 97.500.000           |
| 3        | Dây chuyền chế biến mù tạt (NMCBCS)                    | 306.190.000           | 0                    | 306.190.000           | 61.238.000           |
| 4        | Máy cán kéo (NMCBCS)                                   | 155.000.000           | 27.678.578           | 155.000.000           | 46.500.000           |
| 5        | TBCB mù (thùng sấy, quạt gió, đường ray)- NMCBC        | 37.871.900            | 0                    | 37.871.900            | 7.574.380            |
| 6        | Máy cán mù cao su 410, thiết bị điện (NMCBCS)          | 606.000.000           | 408.367.564          | 606.000.000           | 424.200.000          |
| 7        | Dây chuyền sx mù cao su côm CS 3.000 (NMCBCS)          | 4.443.105.418         | 2.998.352.510        | 4.443.105.418         | 3.021.311.684        |
| 8        | Dây chuyền chế biến mù tạt tại NMCB Cao su             | 1.175.960.764         | 963.673.866          | 1.175.960.764         | 999.566.649          |
| 9        | Hệ thống nước lọc tinh khiết 2 (DV)                    | 180.700.000           | 77.173.940           | 180.700.000           | 81.315.000           |
| 10       | Hệ thống nước lọc tinh khiết 1 (DV)                    | 381.372.000           | 155.167.175          | 381.372.000           | 171.617.400          |
| 11       | Bồn nước Inox 5m3 cấp tưới nước vườn ươm tại Đội 4-NT2 | 64.137.013            | 47.659.414           | 64.137.013            | 48.102.760           |
| 12       | Bồn tắm áp lực chân không                              | 338.500.000           | 282.447.318          | 338.500.000           | 304.650.000          |
| 13       | Dàn máy cửa gỗ                                         | 132.636.364           | 107.845.997          | 132.636.364           | 119.372.728          |



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

|                      |               |
|----------------------|---------------|
| - Phải thu ngắn hạn  | 3.007,6       |
| - Phải thu dài hạn   | 284,8         |
| <b>❖ Nợ phải trả</b> | <b>77.334</b> |
| - Nợ ngắn hạn        | 20.447,9      |
| - Nợ dài hạn         | 56.866,1      |

(Nguồn: BCTC kiểm toán tại 31/12/2016 của Công ty)

### 2. Cơ cấu và trình độ lao động của Công ty

Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp là 606 người. Phân loại lao động của Công ty cụ thể như sau:

**Bảng số 10: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp**

| Phân loại                      | Số lượng   |
|--------------------------------|------------|
| <b>Theo trình độ</b>           | <b>606</b> |
| Đại học và trên                | 49         |
| Cao đẳng                       | 4          |
| Trung cấp                      | 16         |
| Khác                           | 537        |
| <b>Thời giới tính</b>          | <b>606</b> |
| Nam                            | 257        |
| Nữ                             | 349        |
| <b>Theo loại hợp đồng</b>      | <b>606</b> |
| Không thời hạn                 | 606        |
| Có thời hạn                    |            |
| Thời vụ                        |            |
| <b>Theo đơn vị</b>             | <b>606</b> |
| Văn phòng Công ty              | 33         |
| Các đội chuyên sản xuất cao su | 505        |
| Nhà máy chế biến mủ cao su     | 17         |
| Nhà máy chế biến phân bón      | 19         |
| Xí nghiệp chăn nuôi            | 19         |
| Trường mầm non                 | 10         |
| Tổ nước lọc                    | 3          |

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình)

### III. KẾT QUẢ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ DOANH NGHIỆP

Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm ngày 31/12/2015 như sau:

- Giá trị thực tế của Doanh nghiệp để cổ phần hoá: **153.694.596.859 đồng**
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp: **86.953.660.752 đồng**
- Giá trị tài sản không đưa vào cổ phần hoá: **2.511.175.239 đồng**

Trong đó:

- Tài sản không cần dùng: 0 đồng
- Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.311.406.653 đồng
- Tài sản chờ thanh lý: 1.199.768.586 đồng

**Bảng số 11: Giá trị doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015**

| Chỉ tiêu            | Số liệu kế toán | Số liệu kế toán sau khi xử lý tài chính | Số liệu xác định lại | Chênh lệch    |
|---------------------|-----------------|-----------------------------------------|----------------------|---------------|
| (1)                 | (2)             |                                         | (3)                  | 4=(3)-(2)     |
| A.Tài sản đang dùng | 153.283.274.650 | 149.950645.548                          | 153.694.596.859      | 3.743.951.311 |



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

|                                                  |                        |                        |                        |                      |
|--------------------------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|
| <b>(I+II+III+IV)</b>                             |                        |                        |                        |                      |
| <b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>      | <b>129.234.251.941</b> | <b>129.234.251.941</b> | <b>132.978.203.252</b> | <b>3.743.951.311</b> |
| 1. Tài sản cố định                               | 53.205.218.164         | 53.205.218.164         | 63.589.866.114         | 10.384.647.950       |
| a. TSCĐ hữu hình                                 | 52.628.838.385         | 52.628.838.385         | 63.013.486.335         | 10.384.647.950       |
| b. TSCĐ vô hình                                  | 576.379.779            | 576.379.779            | 576.379.779            |                      |
| c. TSCĐ thuê tài chính                           |                        |                        |                        |                      |
| 2. Bất động sản đầu tư                           |                        |                        |                        |                      |
| 3. các khoản đầu tư tài chính dài hạn            |                        |                        |                        |                      |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang               | 74.497.390.315         | 74.497.390.315         | 67.856.693.676         | (6.640.696.639)      |
| 5. Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn             |                        |                        |                        |                      |
| 6. Chi phí trả trước dài hạn                     | 1.186.687.679          | 1.186.687.679          | 1.186.687.679          |                      |
| 7. Các khoản phải thu dài hạn                    | 344.955.783            | 344.955.783            | 344.955.783            |                      |
| <b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>   | <b>24.049.022.709</b>  | <b>24.049.022.709</b>  | <b>24.049.022.709</b>  |                      |
| 1. Tiền                                          | 6.128.627.817          | 6.128.627.817          | 6.128.627.817          |                      |
| + Tiền mặt tồn quỹ                               | 347.968.717            | 347.968.717            | 347.968.717            |                      |
| + Tiền gửi ngân hàng                             | 95.861.949             | 95.861.949             | 95.861.949             |                      |
| + Các khoản tương đương với tiền                 | 5.684.797.151          | 5.684.797.151          | 5.684.797.151          |                      |
| 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn                     |                        |                        |                        |                      |
| 3. Các khoản phải thu                            | 5.249.449.573          | 5.249.449.573          | 5.249.449.573          |                      |
| 4. Vật tư hàng hoá tồn kho                       | 12.580.884.347         | 12.580.884.347         | 12.580.884.347         |                      |
| 5. Tài sản lưu động khác                         | 90.060.972             | 90.060.972             | 90.060.972             |                      |
| Thuế và các khoản phải thu nhà nước              | 90.060.972             | 90.060.972             | 90.060.972             |                      |
| 6. Chi phí sự nghiệp                             |                        |                        |                        |                      |
| <b>III. Giá trị lợi thế KD</b>                   |                        |                        |                        |                      |
| <b>IV. Giá trị quyền SD đất</b>                  |                        |                        |                        |                      |
| <b>B. Tài sản không cần dùng</b>                 |                        |                        |                        |                      |
| <b>I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn</b>      |                        |                        |                        |                      |
| <b>II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn</b>   |                        |                        |                        |                      |
| <b>C. tài sản chờ thanh lý</b>                   | <b>1.199.768.586</b>   | <b>1.199.768.586</b>   | <b>1.199.768.586</b>   |                      |
| <b>D. Tài sản hình thành từ Quý KT, phúc lợi</b> | <b>1.311.406.653</b>   | <b>1.311.406.653</b>   | <b>1.311.406.653</b>   |                      |
| <b>Tổng giá trị tài sản của DN (A+B+C+D)</b>     | <b>155.794.449.889</b> | <b>152.461.820.787</b> | <b>156.205.772.098</b> | <b>3.745.951.311</b> |
| <b>Tổng giá trị thực tế (Mục A)</b>              | <b>153.283.274.650</b> | <b>149.950.645.548</b> | <b>153.694.596.859</b> | <b>3.745.951.311</b> |
| E1. Nợ thực tế phải trả                          | 66.740.936.107         | 66.740.936.107         | 66.740.936.107         | 0                    |
| E2. Nguồn kinh phí sự                            | 190.095.168            | 0                      | 0                      |                      |



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

|                                                                              |                       |                       |                       |                      |
|------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| ngiệp                                                                        |                       |                       |                       |                      |
| <b>TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A) - (E1+E2)</b> | <b>86.352.243.375</b> | <b>83.209.709.441</b> | <b>86.953.660.752</b> | <b>3.745.951.311</b> |

(Nguồn: Hồ sơ xác định giá trị Doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Lê Ninh - Quảng Bình)



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### **PHẦN THỨ HAI** **PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

#### **1. Căn cứ pháp lý**

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Căn cứ quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện cổ phần hóa các Công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà Nước, trong đó có Công ty TNHH MTV Lệ Ninh – Quảng Bình;
- Căn cứ quyết định số 03/UBND-KTN ngày 05/01/2016 về việc triển khai thực hiện thông báo số 389/Tb-VPCP ngày 27/11/2015 của Văn phòng Chính phủ, đẩy mạnh tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 3472/QĐ-UBND ngày 03/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 về việc thực hiện cổ phần hoá công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước;
- Căn cứ Quyết định số 1674/QĐ-UBND ngày 06/6/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Phương án giải quyết lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 15/4/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 15/01/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 1353/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành tiêu chí phân loại vườn cây cao su trên địa bàn tỉnh Quảng Bình để sắp xếp, chuyển đổi các công ty nông, lâm nghiệp;
- Căn cứ Quyết định số 3530/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt suất đầu tư trồng mới và chăm sóc cao su của Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình;
- Căn cứ Quyết định số 583/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình.

#### **2. Mục tiêu và yêu cầu của cổ phần hóa**

##### **↓ Mục tiêu cổ phần hóa**



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lê Ninh – Quảng Bình phù hợp với chủ trương của Đảng và Nhà nước, tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, huy động thêm vốn các nhà đầu tư và vốn xã hội vào đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, kinh doanh; sắp xếp lại tổ chức bộ máy, đổi mới về phương thức quản trị doanh nghiệp; phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, phát triển thị trường; thực hiện mục tiêu Công ty mạnh hơn, hiệu quả hơn và phát triển bền vững.

- Phát huy vai trò làm chủ thực sự, gắn chặt trách nhiệm và quyền lợi của người lao động, cổ đông, đại diện chủ sở hữu, các cấp quản trị doanh nghiệp - đạt được mục tiêu kinh doanh có hiệu quả; tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động; góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

### **➤ Yêu cầu cổ phần hóa**

- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty sau cổ phần hóa.
- Đảm bảo ổn định, không gây ra biến động lớn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, cổ đông và người lao động.
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

### **3. Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa**

- Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình luôn nhận được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, kịp thời của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Bình, các Cơ quan ban ngành tỉnh và luôn nhận được sự quan tâm tạo điều kiện của các địa phương trên địa bàn Công ty dừng chân. Đây là điều kiện thuận lợi giúp Công ty xúc tiến nhanh hơn việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá;

- Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty được sắp xếp tinh gọn, phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh hiện tại, thuận lợi cho công tác quản lý và tổ chức trong giai đoạn đầu hoạt động dưới mô hình Công ty cổ phần;

- Ban Giám đốc Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho người lao động cũng được thực hiện nghiêm túc, triệt để;

- Tập thể người lao động của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện quyết tâm cao trong việc cổ phần hoá với mong muốn tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty sau giai đoạn cổ phần hóa.

### **4. Hình thức cổ phần hóa**

- Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa và quy định tại Khoản 2 Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 07 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần, hình thức cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình là ***“Bán bớt phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, kết hợp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ”***.

### **5. Thông tin cơ bản về doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa**

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN LÊ NINH**
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài : **LENINH JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch viết tắt : **LENINH JSC**
- Trụ sở chính : **Thị trấn Nông trường Lê Ninh, Huyện Lệ Thủy, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam.**
- Điện thoại : **0232.3996215**



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Fax : 0232.3996211
- Email : leninhqb@gmail.com
- Website : www.leninh.vn
- Ngành nghề kinh doanh dự kiến sau cổ phần hóa:
  - Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính:
    - + Sản xuất và kinh doanh cao su tự nhiên (Trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến mủ cao su tự nhiên);
    - + Kinh doanh buôn bán mủ cao su tự nhiên;
    - + Tư vấn khảo sát, thiết kế, lập và thẩm định dự án đầu tư, thiết kế kỹ thuật-dự toán, giám sát và thi công các công trình liên quan đến trồng mới, chăm sóc cao su;
  - Ngành nghề sản xuất kinh doanh phụ:
    - + Chế biến gỗ (cao su, rừng trồng sản xuất);
    - + Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
    - + Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống chất lượng cao;
    - + Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
    - + Sản xuất nước lọc tinh khiết;
  - Ngành nghề sản xuất kinh doanh bổ sung sau cổ phần hóa:
    - + Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng (Sản xuất đá xây dựng, gạch tuynet);
    - + Sản xuất cây dược liệu (cây sả, cây nghệ, cây đinh lăng);
    - + Chế biến tinh dầu sả;
  - Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

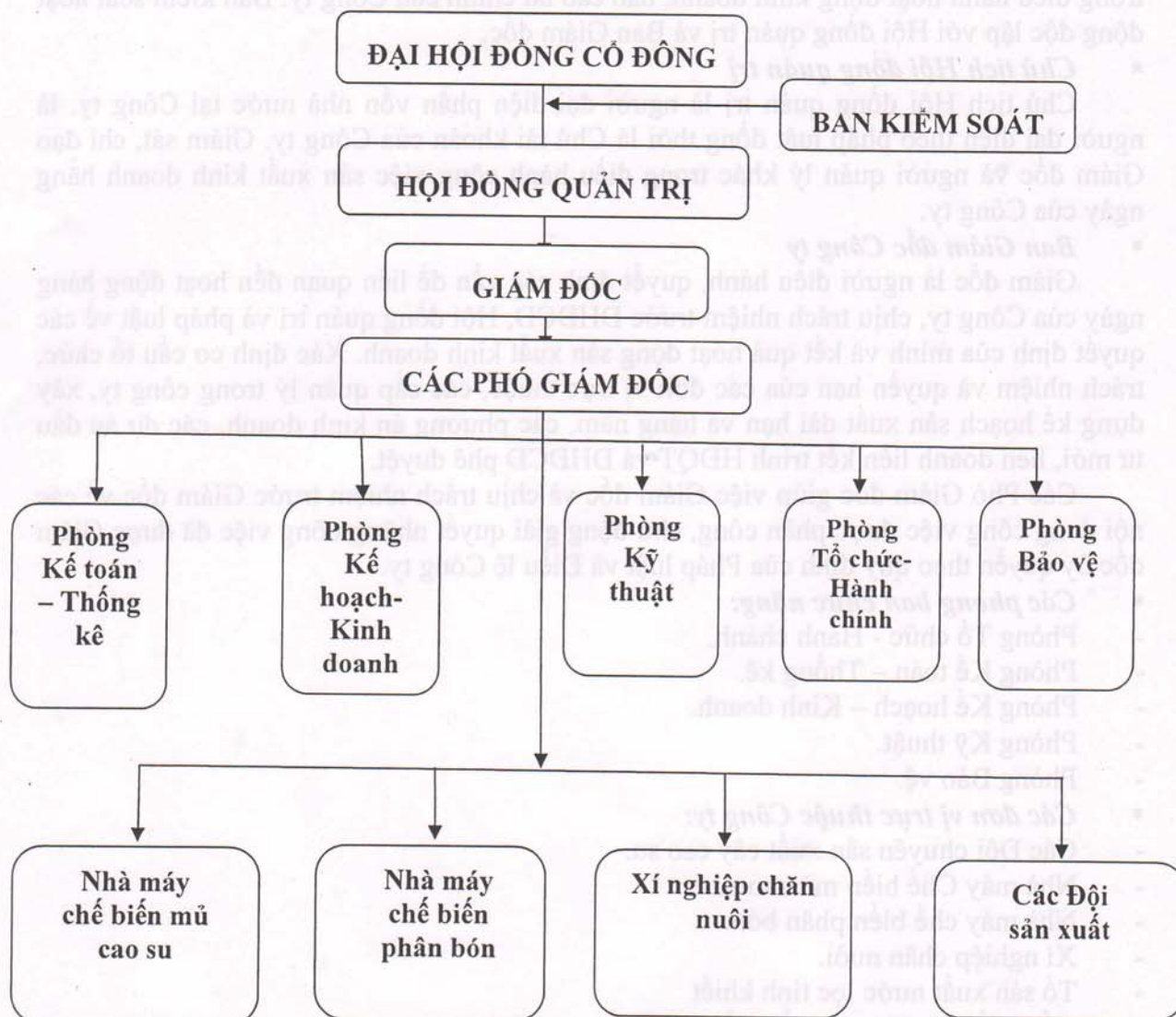
### 6. Phương án sắp xếp lại doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa

#### 6.1 Mô hình tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Sơ đồ số 2: Cơ cấu tổ chức của Công ty sau khi cổ phần hóa



### 6.2 Chức năng, nhiệm vụ

#### ▪ Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

#### ▪ Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định. Hội đồng quản trị có 5 thành viên. Hội đồng quản trị bầu một thành viên làm Chủ tịch.

#### ▪ Ban kiểm soát



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có 3 thành viên. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

### ▪ **Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty, là người đại diện theo pháp luật đồng thời là Chủ tài khoản của Công ty. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc sản xuất kinh doanh hằng ngày của Công ty.

### ▪ **Ban Giám đốc Công ty**

Giám đốc là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị và pháp luật về các quyết định của mình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Xác định cơ cấu tổ chức, trách nhiệm và quyền hạn của các đơn vị trực thuộc, các cấp quản lý trong công ty, xây dựng kế hoạch sản xuất dài hạn và hàng năm, các phương án kinh doanh, các dự án đầu tư mới, liên doanh liên kết trình HĐQT và ĐHĐCĐ phê duyệt.

Các Phó Giám đốc giúp việc Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

### ▪ **Các phòng ban chức năng:**

- Phòng Tổ chức - Hành chính.
- Phòng Kế toán – Thống kê.
- Phòng Kế hoạch – Kinh doanh.
- Phòng Kỹ thuật.
- Phòng Bảo vệ.

### ▪ **Các đơn vị trực thuộc Công ty:**

- Các Đội chuyên sản xuất cây cao su.
- Nhà máy Chế biến mủ cao su.
- Nhà máy chế biến phân bón.
- Xí nghiệp chăn nuôi.
- Tổ sản xuất nước lọc tinh khiết

## 7. **Vốn điều lệ Công ty cổ phần**

Giá trị thực tế doanh nghiệp tại thời điểm 31/12/2015: **153.694.596.859 đồng**

(Bằng chữ: Một trăm năm mươi ba tỷ, sáu trăm chín mươi tư triệu, năm chín mươi sáu ngàn tám trăm năm mươi chín đồng)

Trong đó:

- Nợ phải trả: **66.740.936.107 đồng**
- Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: **86.953.660.752 đồng**  
(Bằng chữ: Tám mươi sáu tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn bảy trăm năm hai đồng)

**Căn cứ:**

- Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty sau khi cổ phần hóa;
- Kế hoạch đầu tư và khả năng tự tài trợ vốn của công ty cho các kế hoạch đầu tư;
- Năng lực quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Bộ máy quản lý của Công ty
- Khả năng tự chủ và mối quan hệ hợp tác với các đối tác.

Công ty chọn hình thức cổ phần hóa là “**Bán bớt phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, kết hợp phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ**”.



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Vốn điều lệ Công ty cổ phần dự kiến: **100.000.000.000 đồng**  
(Bằng chữ: Một trăm tỷ đồng)
- Mệnh giá cổ phần là : 10.000 đồng/cổ phần
- Tổng số cổ phần phổ thông là : **10.000.000 cổ phần**

### 8. Cơ cấu vốn điều lệ Công ty cổ phần

Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình đề xuất xây dựng phương án Nhà nước nắm giữ cổ phần ở mức 65% vốn điều lệ tương ứng với số lượng cổ phần nắm giữ là 6.500.000 cổ phần, tương đương 65.000.000.000 đồng tính theo mệnh giá. Cơ cấu vốn điều lệ theo cổ phần sở hữu của các cổ đông như sau:

#### 8.1 Cơ cấu Vốn điều lệ dự kiến

**Bảng số 12: Cơ cấu vốn điều lệ dự kiến**

| TT               | Đối tượng                                                                        | Số lượng cổ phần  | Giá trị tính theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ (%)   |
|------------------|----------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------|-------------|
| 1                | Vốn nhà nước<br>Chủ sở hữu vốn: UBND tỉnh Quảng Bình                             | 6.500.000         | 65.000.000.000                    | 65%         |
| 2                | Bán ưu đãi cho CBCNV                                                             | 669.300           | 6.693.000.000                     | 6,69%       |
| 2.1              | <i>Bán ưu đãi cho CBCNV theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước</i> | 669.300           | 6.693.000.000                     | 6,69%       |
| 2.2              | <i>Bán cho CBCNV theo năm cam kết làm việc tại Công ty cổ phần</i>               | 0                 | 0                                 | 0           |
| 3                | Bán cho Công đoàn Công ty                                                        | 200.000           | 2.000.000.000                     | 2%          |
| 4                | Bán cho Cổ đông chiến lược                                                       | 0                 | 0                                 | 0           |
| 5                | Bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài (IPO)                                   | 2.630.700         | 26.307.000.000                    | 26,31%      |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                                                  | <b>10.000.000</b> | <b>100.000.000.000</b>            | <b>100%</b> |

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý tăng vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 59/2011/NĐ-CP, Thông tư số 196/2011/TT-BTC và sẽ được trình Cơ quan có thẩm quyền quyết định bán tiếp vào thời điểm thích hợp sau khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động. Trường hợp chào bán công khai theo phương thức thỏa thuận mà vẫn không bán hết thì báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình thực hiện điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ. Ban chỉ đạo Cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình và người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp cổ phần hóa có trách nhiệm bổ sung vào dự thảo Điều lệ để thông qua về quyền bán tiếp phần vốn Nhà nước tại Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình sau khi Công ty đã chính thức hoạt động theo Luật Doanh nghiệp trên cơ sở Phương án cổ phần hóa được Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt điều chỉnh.

#### 8.2 Cổ phần Nhà nước nắm giữ

Theo quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 28/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình, Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình sẽ chuyển thành Công ty cổ phần, Nhà nước nắm giữ 65% vốn điều lệ. Xét trên tình hình thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty và để đảm bảo cho phương án Cổ phần hóa thành công và tạo được sức hút đối với các nhà đầu tư, kính trình Ban chỉ đạo xem xét Nhà nước sẽ nắm giữ 65% vốn điều lệ Công ty cổ phần, tương ứng sở hữu 6.500.000 cổ phần, tương đương 65.000.000.000 đồng.



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Số cổ phần không bán hết (nếu có) sẽ được xử lý tăng vốn Nhà nước theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP, Thông tư 196/2011/TT-BTC và Thông tư 127/2014/TT-BTC sẽ được trình Cơ quan có thẩm quyền quyết định bán tiếp vào thời điểm thích hợp sau khi Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

### 8.3 Đối tượng mua cổ phần

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Người lao động của Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình, Công đoàn Công ty, các nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP).

#### 8.3.1. Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động

##### a) *Bán cổ phần cho Cán bộ công nhân viên theo thời gian thực tế làm việc trong Khu vực Nhà nước*

###### Căn cứ pháp lý:

- Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần;
- Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 hướng dẫn việc bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu được từ cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty cổ phần;
- Danh sách lao động của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 27/02/2017;
- Biên bản họp Hội nghị người lao động bất thường ngày 04/4/2017;

Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua tối đa 100 cổ phần cho mỗi năm thực tế làm việc tại khu vực Nhà nước với giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất.

Tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp, tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (27/02/2017) là 606 lao động. Căn cứ hướng dẫn tại Thông tư 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động thương binh và xã hội về hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động theo Nghị định 59/2011/NĐ – CP ngày 18/07/2011 về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần và Sổ Bảo hiểm lao động của người lao động, Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh - Quảng Bình đã lập danh sách lao động công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa được mua ưu đãi theo thực tế làm việc tại khu vực nhà nước cụ thể như sau:

- |                                                                                                                      |                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------|
| + Tổng số lao động có tên trong danh sách lao động Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp                | : 606 lao động                                      |
| + Tổng số lao động mua cổ phần ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước                           | : 606 lao động                                      |
| + Tổng số lao động không được mua hoặc không mua cổ phần ưu đãi theo thời gian thực tế làm việc tại khu vực nhà nước | : 0 lao động                                        |
| + Tổng số năm công tác trong khu vực nhà nước                                                                        | : 6.693 năm                                         |
| + Tổng số cổ phần tối đa được mua ưu đãi                                                                             | : 669.300 cổ phần                                   |
| + Tổng số cổ phần đăng ký mua ưu đãi thực tế                                                                         | : 669.300 cổ phần                                   |
| + Loại cổ phần                                                                                                       | : Cổ phần phổ thông                                 |
| + Giá bán:                                                                                                           | : 60% giá bán đầu giá thành công thấp nhất của cuộc |



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

đầu giá công khai

+ Thời gian thực hiện dự kiến

: Quý 2/2017

### b) **Bán cổ phần cho người lao động cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần**

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ – CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011 về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần:

“Người lao động có tên trong danh sách thường xuyên của doanh nghiệp tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời hạn ít nhất là 03 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu) sẽ được mua thêm cổ phần ưu đãi theo quy định sau:

- Mua thêm theo mức 200 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 2.000 cổ phần cho một người lao động.

- Riêng người lao động là các chuyên gia giỏi, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao làm việc tại doanh nghiệp được mua thêm theo mức 500 cổ phần/01 năm cam kết làm việc tiếp trong doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 5.000 cổ phần cho một người lao động. Doanh nghiệp cổ phần hóa căn cứ đặc thù ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của mình xây dựng và quyết định các tiêu chí để xác định chuyên gia giỏi, có trình độ nghiệp vụ cao và phải được nhất trí thông qua tại Đại hội công nhân viên chức của doanh nghiệp trước khi cổ phần hóa.

Công ty đã tổ chức Hội nghị công nhân viên chức để phổ biến tới người lao động chính sách ưu đãi cho người lao động trong phương án cổ phần hóa. Phương án mua thêm cổ phần ưu đãi đối với lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, không có người lao động đăng ký mua theo cam kết làm việc tại công ty, số cổ phần đăng ký 0 cổ phần.

#### **8.3.2. Cổ phần bán cho Công đoàn**

Theo quy định điểm c khoản 2 Điều 36 Nghị định số 59/NĐ-CP thì Công đoàn cơ sở doanh nghiệp được sử dụng nguồn quỹ công đoàn tại doanh nghiệp cổ phần hóa để mua cổ phần ưu đãi nhưng không quá 3% vốn điều lệ.

Công đoàn Công ty sẽ đăng ký mua cổ phần theo quy định của Nghị định số 59/2011/NĐ – CP của Chính phủ ngày 18 tháng 07 năm 2011, Công đoàn công ty đăng ký mua 2% tương ứng 200.000 cổ phần, giá trị 2 tỷ đồng.

#### **8.3.3. Cổ phần bán cho Nhà đầu tư chiến lược**

Hiện tại, Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình chưa tìm được Nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần của công ty khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp.

#### **8.3.4. Cổ phần chào bán ra bên ngoài**

Tổng số cổ phần thực hiện bán ra bên ngoài như sau:

- |                                 |                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ▪ Tổng số cổ phần bán đầu giá   | : 2.630.700 cổ phần (tương ứng với 26.307.000.000 đồng chiếm 26,31% Vốn điều lệ Công ty cổ phần)                                                                                                                |
| ▪ Giá khởi điểm đề xuất         | : 10.000 đồng/cổ phần                                                                                                                                                                                           |
| ▪ Đơn vị tư vấn tổ chức đầu giá | : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội<br>Số 2, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội                                                                                                                                    |
| ▪ Thời gian bán đầu giá         | : Dự kiến trong Quý 2/2017, sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt phương án cổ phần hoá và chuyển Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình thành Công ty cổ phần. |



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Đối tượng tham gia : Các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư tổ chức trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật (Theo quy định tại Điều 6 Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ).

### 9. Dự kiến chi phí cổ phần hóa

Công ty dự kiến tổng chi phí cổ phần hóa sẽ là: **500.000.000** đồng. (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng) bao gồm:

**Bảng số 13: Dự kiến chi phí cổ phần hóa**

| STT       | Hạng mục chi phí                                                 | Chi phí (đồng)     |
|-----------|------------------------------------------------------------------|--------------------|
| <b>A.</b> | <b>Các khoản chi phí trực tiếp tại doanh nghiệp</b>              | <b>107.000.000</b> |
| 1         | Chi phí đại hội CNVC triển khai nhiệm vụ cổ phần hóa             |                    |
| 2         | Chi phí VPP, in ấn, pho to tài liệu                              | 10.000.000         |
| 3         | Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản                        | 37.000.000         |
| 4         | Chi phí lập phương án, xây dựng điều lệ                          | 35.000.000         |
| 5         | Chi phí Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập                        | 25.000.000         |
| <b>B</b>  | <b>Thuê các Đơn vị có chức năng thực hiện các công việc liên</b> | <b>178.000.000</b> |
| 1         | Thuê Đơn vị tư vấn thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp       | 70.000.000         |
| 2         | Thuê Đơn vị tư vấn thực hiện bán cổ phần, đại hội cổ đông        | 53.000.000         |
| 3         | Thuê Đơn vị kiểm toán giá trị công ty cổ phần                    | 55.000.000         |
| <b>C.</b> | <b>Chi phí hoạt động và thù lao Ban chỉ đạo CPH và Tổ giúp</b>   | <b>195.000.000</b> |
| 1         | Thù lao Ban chỉ đạo cổ phần hóa                                  | 130.000.000        |
| 2         | Thù lao Tổ giúp việc                                             | 65.000.000         |
| <b>D.</b> | <b>Chi phí khác</b>                                              | <b>20.000.000</b>  |
|           | <b>TỔNG CỘNG</b>                                                 | <b>500.000.000</b> |

### 10. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần

Trên cơ sở giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, tỷ lệ góp vốn của Nhà nước tại Công ty cổ phần, Công ty dự kiến kế hoạch hoàn vốn ngân sách Nhà nước, tạm tính theo phương án giả sử tất cả số lượng cổ phần bán ra được bán hết với giá bán là 10.000 đồng/cổ phần, chi tiết như sau:

**Bảng số 14: Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc bán cổ phần**

| Chỉ tiêu                                   | Chú giải | Cổ phần | Giá bán | Giá trị (đồng)  |
|--------------------------------------------|----------|---------|---------|-----------------|
| Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước          | (1)      |         |         | 86.953.660.752  |
| Giá trị thực tế phần vốn Nhà nước làm tròn | (2)      |         |         | 86.953.660.000  |
| Vốn điều lệ Công ty cổ phần                | (3)      |         |         | 100.000.000.000 |
| Vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần           | (4)      |         |         | 65.000.000.000  |



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

|                                                                   |                       |           |        |                       |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|--------|-----------------------|
| Giá trị phần vốn Nhà nước bán bớt tính theo mệnh giá              | (5)                   |           |        | 21.953.660.000        |
| Giá trị cổ phần phát hành thêm tính theo mệnh giá                 | (6)=(3)-(4)-(5)       |           |        | 13.046.340.000        |
| Số tiền thu được từ CPH                                           | (7)=(8)+(9)+(10)+(11) |           |        | 31.522.800.000        |
| Bán cho CBCNV                                                     | (8)=(8.1)+(8.2)       | 669.300   |        | 4.015.800.000         |
| - Mua ưu đãi theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước | (8.1)                 | 669.300   | 6.000  | 4.015.800.000         |
| - Mua theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần | (8.2)                 | -         | 10.000 | -                     |
| Bán cho công đoàn                                                 | (9)                   | 200.000   | 6.000  | 1.200.000.000         |
| Bán cho đối tác chiến lược                                        | (10)                  | -         | 10.000 | -                     |
| Bán đấu giá lần đầu                                               | (11)                  | 2.630.700 | 10.000 | 26.307.000.000        |
| Số tiền để lại Công ty                                            | (12)=(6)              |           |        | <b>13.046.340.000</b> |
| Thặng dư vốn cổ phần                                              | (13)=(7)-(6)-(5)      |           |        | -                     |
| Số tiền chênh lệch giữa Vốn Nhà nước và Vốn nhà nước làm tròn     | (14)=(1)-(2)          |           |        | 752                   |
| Chi phí cổ phần hóa                                               | (15)                  |           |        | 500.000.000           |
| Chi giải quyết chính sách lao động dôi dư                         | (16)                  |           |        | 1.300.340.037         |
| Số tiền giữ lại CTCP                                              |                       |           |        | 13.046.340.000        |
| <b>Số tiền nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</b>             |                       |           |        | <b>16.676.120.715</b> |



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

**PHẦN THỨ BA**  
**PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LẠI LAO ĐỘNG**

**1. Kế hoạch sắp xếp lao động**

Trên cơ sở hiện trạng đội ngũ lao động hiện có của doanh nghiệp, nhu cầu lao động giai đoạn sau cổ phần hóa và các quy định của pháp luật về lao động nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty, phát huy được năng lực của người lao động, Công ty dự kiến sẽ tiến hành phương án sắp xếp lại lao động như sau:

**Bảng số 15: Sắp xếp lao động theo phòng ban sau khi cổ phần hóa**

| Phòng ban và đơn vị            | Đơn vị tính | Tại thời điểm công bố GTDN | Không có nhu cầu sử dụng | Cần sử dụng chuyển sang CTCP |
|--------------------------------|-------------|----------------------------|--------------------------|------------------------------|
| Các đội chuyên sản xuất cao su | Người       | 515                        | 10                       | 505                          |
| Nhà máy chế biến cao su        | Người       | 17                         |                          | 17                           |
| Nhà máy chế biến Phân bón      | Người       | 19                         |                          | 19                           |
| Xí nghiệp chăn nuôi            | Người       | 19                         |                          | 19                           |
| Tổ nước lọc                    | Người       | 3                          |                          | 3                            |
| Phòng ban Công ty              | Người       | 33                         |                          | 33                           |
| <b>Tổng cộng</b>               |             | <b>606</b>                 | <b>10</b>                | <b>596</b>                   |

**Bảng số 16: Kế hoạch sắp xếp lao động sau khi cổ phần hóa**

| STT       | Nội dung                                                                               | Tổng số    | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------|------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b>         | <b>606</b> |         |
| 1         | Lao động không thuộc diện ký HĐLĐ                                                      | 0          |         |
| 2         | Lao động làm việc theo HĐLĐ                                                            | 606        |         |
|           | a) Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn                                 | 606        |         |
|           | b) Lao động làm việc theo HĐLĐ xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng           | 0          |         |
|           | c) Làm việc theo mùa vụ hoặc 1 công việc nhất định dưới 3 tháng                        | 0          |         |
| 3         | Lao động đang nghỉ việc nhưng có tên trong danh sách lao động của Công ty              | 0          |         |
| <b>II</b> | <b>Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa</b> | <b>10</b>  |         |
| 1         | Số lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo chế độ hiện hành                                | 1          |         |
| 2         | Số lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động                                              | 9          |         |
|           | a) Hết hạn hợp đồng lao động                                                           | 0          |         |
|           | b) Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động                                                | 0          |         |
|           | c) Chấm dứt HĐLĐ với lý do khác của quy định pháp luật                                 | 9          |         |
| 3         | Số lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp      | 0          |         |
|           | a) Số lao động dôi dư thực hiện Nghị định 63/2015/NĐ-CP                                | 0          |         |
|           | b) Số lao động phải chấm dứt hợp đồng lao động và trả trợ cấp                          | 0          |         |



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

|            |                                                                |            |  |
|------------|----------------------------------------------------------------|------------|--|
|            | mất việc làm                                                   |            |  |
| <b>III</b> | <b>Số lao động sẽ chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần</b> | <b>596</b> |  |
| 1          | Số lao động mà hợp đồng lao động còn thời hạn                  | 596        |  |
|            | Số lao động nghỉ hưởng chế độ bảo hiểm xã hội                  | 0          |  |
|            | a) Ốm đau                                                      | 0          |  |
|            | b) Thai sản                                                    | 0          |  |
|            | c) Tai nạn lao động, nghề nghiệp                               | 0          |  |
| 2          | Số lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động          | 0          |  |
|            | a) Nghĩa vụ quân sự                                            | 0          |  |
|            | b) Nghĩa vụ công dân khác                                      | 0          |  |
|            | c) Bị tạm giam, tạm giữ                                        | 0          |  |
|            | d) Do 02 bên thỏa thuận (không quá 03 tháng)                   | 0          |  |

### 2. Giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động không có nhu cầu sử dụng

- Số lao động tiếp tục sử dụng sau khi chuyển sang Công ty cổ phần: 596 người.
- Số lao động chấm dứt HĐLĐ: 38 người. Trong đó:
- + Số lao động được tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt HĐLĐ: 25 người.
- + Số lao động nghỉ hưu trước tuổi: 07 người.
- + Số lao động phải chấm dứt HĐLĐ: 06 người.

#### 2.1 Kinh phí dự kiến

Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: **1.300.340.037 đồng**. Trong đó:

- Thực hiện chế độ đối với người lao động về hưu trước tuổi quy định theo khoản 1,2 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 4 Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH: 528.042.537 đồng.
- Đóng cho số tháng thiếu vào quỹ hưu trí, tử tuất với số lao động đủ tuổi nghỉ hưu nhưng thiếu thời gian đóng BHXH: 0 đồng.
- Thực hiện với lao động tuyển dụng lần cuối cùng trước ngày 21/4/1998 không bố trí được việc làm và phải chấm dứt HĐLĐ theo khoản 4,5 Điều 3 Nghị định 63/2015/NĐ-CP; Khoản 2 Điều 4 Thông tư 44/2015/TT-BLĐTBXH: 455.533.500 đồng.
- Thực hiện chế độ đối với lao động tuyển dụng lần cuối cùng từ ngày 21/4/1998 trở về sau không bố trí được việc làm và phải chấm dứt HĐLĐ theo khoản 1 Điều 4 Nghị định 63/2015/NĐ-CP: 316.764.000 đồng.

#### 2.2 Nguồn kinh phí thực hiện

- Tổng kinh phí thực hiện chính sách: **1.300.340.037 đồng**.
- Nguồn kinh phí chi trả: Được lấy từ tiền bán cổ phần lần đầu, trường hợp không đủ thì được bổ sung từ quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp.

### 3. Kế hoạch đào tạo

| Phòng ban và đơn vị | Số lượt đào tạo | Khóa đào tạo                                                               | Đơn vị đào tạo                                                  | Chi phí đào tạo(đ) |
|---------------------|-----------------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------|
| Phòng ban Cty       | 20 lượt         | Tập huấn quản lý, nghiệp vụ; Đại học kinh tế, Nông Lâm; Cao cấp LLCT; Huấn | Đại học Kinh tế; Nông Lâm Huế, Hội DN tỉnh, Cty, Học viện CTQG. | 50.000.000         |



# PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

|                                           |         |                                                                                                                                                 |                                                                                        |                    |
|-------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
|                                           |         | luyện c. tác VSATLĐ;                                                                                                                            |                                                                                        |                    |
| Các đơn vị thành viên, Nhà máy, Xí nghiệp | 30 lượt | Tập huấn quản lý; Đại học kinh tế, Nông Lâm; Huấn luyện c. tác VSATLĐ; Đào tạo thợ khai thác mỏ; Tập huấn vận hành lò hơi, nghiệp vụ Công đoàn. | Đại học Kinh tế; Nông Lâm Huế, Hội DN tỉnh; Cty; Các đơn vị tư vấn; Liên đoàn LĐ tỉnh. | 70.000.000         |
| <b>Cộng</b>                               |         |                                                                                                                                                 |                                                                                        | <b>120.000.000</b> |



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

**PHẦN THỨ TƯ**

**PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG ĐẤT ĐÃ ĐƯỢC CẤP CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT**

- Phương án sử dụng đất của Công ty sau khi chuyển thành công ty cổ phần là tiếp tục sử dụng đất đúng mục đích đã kê khai đăng ký. Việc quản lý và sử dụng đất sẽ được thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật, cụ thể như sau:

- Tổng diện tích đất Công ty giữ lại là 3.069,53 ha. Trong đó, đất nông nghiệp là 3.070,75 ha; đất phi nông nghiệp là 18,85 ha.

**1. Diện tích đất giữ lại tiếp tục sử dụng theo từng loại đất**

**Bảng số 17: Diện tích đất giữ lại tiếp tục sử dụng theo từng loại đất**

| STT      | Loại đất                                          | Diện tích (ha)  | Cơ cấu (%)    | Trong đó        |                                | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------|-----------------|---------------|-----------------|--------------------------------|---------|
|          |                                                   |                 |               | Thuê đất        | Giao đất không thu tiền SD đất |         |
|          | <b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>                             | <b>3.069,53</b> | <b>100,00</b> | <b>3.065,28</b> | <b>4,25</b>                    |         |
| <b>1</b> | <b>Đất nông nghiệp</b>                            | <b>3.049,58</b> | <b>99,35</b>  | <b>3.049,58</b> |                                |         |
| 1.1      | Đất trồng cây hàng năm                            | 99,63           | 3,25          | 99,51           |                                |         |
| 1.1.1    | Đất trồng lúa                                     | 78,24           | 2,55          | 78,24           |                                |         |
| 1.1.2    | Đất trồng cây khác hàng năm                       | 21,39           | 0,70          | 21,27           |                                |         |
| 1.2      | Đất trồng cây lâu năm                             | 2.296,81        | 74,83         | 2.286,08        |                                |         |
| 1.3      | Đất rừng trồng sản xuất                           | 621,02          | 20,23         | 651,20          |                                |         |
| 1.4      | Đất nuôi trồng thủy sản                           | 26,50           | 0,86          | 28,34           |                                |         |
| 1.5      | Đất nông nghiệp khác                              | 5,61            | 0,18          | 5,61            |                                |         |
| <b>2</b> | <b>Đất mặt nước chuyên dùng</b>                   | <b>1,10</b>     | <b>0,04</b>   |                 | <b>1,10</b>                    |         |
| <b>3</b> | <b>Đất phi nông nghiệp</b>                        | <b>18,85</b>    | <b>0,61</b>   | <b>15,70</b>    | <b>3,15</b>                    |         |
| 2.1      | Đất XD công trình sự nghiệp (GD&TDTT)             | 1,08            | 0,03          | 1,08            | 1,08                           |         |
| 2.2      | Đất SXKD phi nông nghiệp                          | 15,70           | 0,51          | 15,63           |                                |         |
| 2.3      | Đất có mục đích công cộng (XD hệ thống nước thải) | 2,07            | 0,07          | 2,07            | 2,07                           |         |

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình)

**2. Phương án phân bổ quỹ đất cho các mục đích sử dụng cụ thể đến từng đơn vị hành chính cấp xã**

**Bảng số 18: Phương án phân bổ quỹ đất cụ thể đến từng đơn vị hành chính cấp xã**

| STT      | Loại đất                    | Diện tích (ha)  | Phân theo các đơn vị hành chính |               |               |               |              |
|----------|-----------------------------|-----------------|---------------------------------|---------------|---------------|---------------|--------------|
|          |                             |                 | Xã Ngân Thủy                    | Xã Sơn Thủy   | Xã Phú Thủy   | TTNT Lệ Ninh  | Xã Vạn Ninh  |
| <i>1</i> | <i>2</i>                    | <i>3</i>        | <i>4</i>                        | <i>5</i>      | <i>6</i>      | <i>7</i>      | <i>8</i>     |
|          | <b>TỔNG DIỆN TÍCH</b>       | <b>3.069,53</b> | <b>1.615,76</b>                 | <b>390,98</b> | <b>502,5</b>  | <b>474,39</b> | <b>85,82</b> |
| <b>1</b> | <b>Đất nông nghiệp</b>      | <b>3.049,58</b> | <b>1.613,68</b>                 | <b>388,88</b> | <b>501,00</b> | <b>460,21</b> | <b>85,82</b> |
| 1.1      | Đất trồng cây hàng năm      | 99,63           | 43,94                           | 23,4          | 21,90         | 9,69          | 0,70         |
| 1.1.1    | Đất trồng lúa               | 78,24           | 41,19                           | 23,12         | 13,93         |               |              |
| 1.1.2    | Đất trồng cây khác hàng năm | 21,39           | 2,75                            | 0,28          | 7,97          | 9,69          | 0,70         |
| 1.2      | Đất trồng cây lâu năm       | 2.296,81        | 1.189,45                        | 299,3         | 438,36        | 335,53        | 34,17        |
| 1.3      | Đất rừng trồng sản xuất     | 621,02          | 356,89                          | 64,81         | 36,24         | 114,06        | 49,02        |
| 1.4      | Đất nuôi trồng thủy sản     | 26,50           | 19,71                           | 1,36          | 4,50          | 0,93          |              |



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

|     |                                                   |              |             |            |             |              |          |
|-----|---------------------------------------------------|--------------|-------------|------------|-------------|--------------|----------|
| 1.5 | Đất nông nghiệp khác                              | 5,61         | 3,69        |            |             |              | 1,92     |
| 2   | <b>Đất mặt nước chuyên dùng</b>                   | <b>1,10</b>  |             |            |             |              |          |
| 3   | <b>Đất phi nông nghiệp</b>                        | <b>18,85</b> | <b>0,98</b> | <b>2,1</b> | <b>1,59</b> | <b>14,18</b> | <b>-</b> |
| 2.1 | Đất XD công trình sự nghiệp (GD&TDTT)             | 1,08         |             |            |             | 1,08         |          |
| 2.2 | Đất SXKD phi nông nghiệp                          | 15,70        | 0,98        | 1,34       | 1,59        | 11,79        |          |
| 2.3 | Đất có mục đích công cộng (XD hệ thống nước thải) | 2,07         |             | 0,76       |             | 1,31         |          |

**3. Phương án và kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất**

**Bảng số 19: Phương án và kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất**

| TT  | Loại đất hiện đang sử dụng phải chuyển mục đích sử dụng theo phương án sử dụng đất      | Tổng diện tích chuyển mục đích (ha) | Kế hoạch chuyển mục đích hàng năm |          |          |          |          |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|----------|----------|----------|----------|
|     |                                                                                         |                                     | Năm 2017                          | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
| 1   | 2                                                                                       | 3                                   | 4                                 | 5        | 6        | 7        |          |
| 1   | Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp                                         | 7,3                                 |                                   | 5,0      | 2,3      | -        |          |
| 1.1 | Đất trồng cây hàng năm sang đất kinh doanh TMDV                                         | 2,3                                 |                                   |          | 2,3      | -        |          |
| 1.2 | Đất rừng sản xuất quy hoạch chuyển sang đất thổ cư làm nhà ở công nhân tại xã Ngân Thủy | 5,0                                 |                                   | 5,0      |          |          |          |
| 2   | Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp                              | 304,5                               | 24,5                              | 50,0     | 60,0     | 70,0     | 100,0    |
| 2.1 | Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất trồng cây cao su                            | 4,5                                 | 4,5                               |          |          |          |          |
| 2.2 | Đất rừng sản xuất chuyển sang đất trồng cây cao su                                      | 300,0                               | 20,0                              | 50,0     | 60,0     | 70,0     | 100,0    |



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### PHẦN THỨ NĂM

#### PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 05 NĂM SAU CỔ PHẦN HÓA

##### **1. Cơ hội và thách thức**

###### **✚ Cơ hội**

Giá cao su được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng trong năm 2017 kể từ khi bắt đầu tạo đáy hồi cuối năm 2016.

Chuyển sang mô hình Công ty cổ phần, sẽ giúp cho Công ty có được sự chủ động, tự chủ cao trong việc hoạch định cũng như thực hiện các chiến lược phát triển của mình, đồng thời tăng cường tính linh hoạt, khả năng phản ứng nhanh nhạy trong quản trị, điều hành nhằm thích ứng với sự biến động của tình hình kinh tế, xã hội.

###### **✚ Thách thức**

Cũng như các Doanh nghiệp Nhà nước chuyển đổi sang Công ty cổ phần khác, Công ty đã được thành lập và hoạt động dưới mô hình do Nhà nước sở hữu 100% vốn nhà nước, mọi quyết định, kế hoạch kinh doanh đều phụ thuộc vào chủ sở hữu. Do đó, việc thích nghi và vận hành tốt theo mô hình mới sẽ là một thách thức không nhỏ đối với Công ty sau cổ phần hoá đặc biệt là sự xáo trộn, thay đổi lớn trong phương thức quản trị điều hành của Công ty, đòi hỏi có một khoảng thời gian cho việc thích nghi.

Hiện nay, xu hướng công nghiệp phát triển mạnh ở các khu vực lân cận đã thu hút số lượng lớn lao động phổ thông, điều này gây khó khăn cho Công ty trong việc huy động lao động thực hiện cho công việc (giao khoán) trong từng giai đoạn sản xuất kinh doanh, làm tăng chi phí thuê nhân công ngoài.

Sang năm 2017, lãi suất ngân hàng đang đứng trước áp lực tăng sẽ khiến cho chi phí đi vay của Doanh nghiệp tăng cao và ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty.

##### **2. Định hướng chiến lược sau khi cổ phần hóa**

###### **✚ Mục tiêu**

Thực hiện Quyết định số 3788/QĐ-UBND, ngày 28/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc thực hiện cổ phần hóa các Công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Bình. Trên cơ sở những dự báo, nhận định tình hình mới, Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình đặt ra các mục tiêu cơ bản cho chiến lược phát triển của Công ty sau khi chuyển sang mô hình Công ty cổ phần như sau:

- Xây dựng Công ty Cổ phần Lệ Ninh – Quảng Bình mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn nhân lực; Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường.
- Xây dựng và phát triển các sản phẩm, dịch vụ tốt, sức cạnh tranh cao hơn.
- Xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi. Đổi mới sâu sắc quản trị doanh nghiệp, tạo dựng và phát triển thương hiệu, văn hóa doanh nghiệp.
- Nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng tốt nhất nhu cầu đặt hàng của các đối tác. Thông qua hợp tác đầu tư để nâng cao trình độ quản lý, thay đổi công nghệ sản xuất.
- Chú trọng lực lượng lao động chất lượng cao, sắp xếp, tổ chức lại bộ máy tinh gọn, đào tạo mới và đào tạo lại đội ngũ lao động. Áp dụng công nghệ thông tin vào điều hành và quản lý hợp lý, nhằm cải thiện môi trường làm việc để tăng năng suất lao động.
- Định hình và phát triển văn hóa Công ty theo mô hình Công ty cổ phần.
- Ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và khuyến khích các hoạt động sáng tạo để đổi mới, nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ nhằm đưa vị thế doanh nghiệp lên tầm cao hơn, đáp ứng điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế.



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Mở rộng thêm nghề sản xuất kinh doanh mới trên cơ sở lợi thế hiện có của Công ty, với mục đích tạo doanh thu, lợi nhuận cho Doanh nghiệp và tạo thêm công ăn việc làm, tăng thu nhập ổn định cho người lao động.

### **Định hướng phát triển**

Công ty tập trung trí tuệ và sức lực đẩy lùi khó khăn, nắm bắt thời cơ, đổi mới nhận thức, chấn chỉnh tổ chức, khai thác tối đa các nguồn vốn, mạnh dạn đầu tư thiết bị, con người, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất kinh doanh; xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển ổn định, vững mạnh.

- **Về sản phẩm:** Phát triển đa dạng hóa sản phẩm. Ưu tiên cho việc phát triển các sản phẩm truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có tính công nghệ, kỹ thuật cao. Nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới, đặc biệt là các sản phẩm mà Công ty có tiềm năng và lợi thế.

- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết phát triển sản xuất kinh doanh.

- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.

- **Về đầu tư:** Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ các chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.

- **Về nguồn nhân lực:** Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ.

### **3. Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa**

Căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh trong 04 năm 2013-2016 và các năm trước cũng như định hướng phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, Công ty TNHH MTV Lệ Ninh- Quảng Bình xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm, giai đoạn 2017-2022 với các chỉ tiêu như sau:

**Bảng số 20: Các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản sau cổ phần hóa**

| TT  | Chỉ tiêu                                 | ĐVT        | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 |
|-----|------------------------------------------|------------|----------|----------|----------|----------|----------|
| 1   | Ngành sản xuất chính                     |            |          |          |          |          |          |
| 1.1 | Tổng diện tích                           | Ha         | 2.050    | 2.250    | 2.350    | 2.400    | 2.500    |
|     | Diện tích cao su khai thác theo thiết kế | Ha         | 1.100    | 1.150    | 1.200    | 1.250    | 1.300    |
|     | Diện tích cao su KTCB                    | Ha         | 950      | 1.100    | 1.150    | 1.150    | 1.200    |
| 1.2 | Sản lượng mủ khô chế biến                | Tấn        | 1.050    | 1.100    | 1.150    | 1.250    | 1.350    |
| 3   | Tổng doanh thu                           | Triệu đồng | 48.200   | 53.000   | 58.000   | 63.000   | 69.000   |
| 3.1 | Doanh thu từ sản mủ cao                  | Triệu đồng | 39.000   | 44.000   | 48.500   | 53.000   | 59.000   |



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

|     | su                                        |            |         |         |         |         |         |
|-----|-------------------------------------------|------------|---------|---------|---------|---------|---------|
| 3.2 | Doanh thu từ các ngành nghề khác          | Triệu đồng | 9.200   | 9.000   | 9.500   | 10.000  | 10.000  |
| 4   | Tổng chi phí                              | Triệu đồng | 47.700  | 51.600  | 55.200  | 58.500  | 63.000  |
| 5   | Lợi nhuận trước thuế                      | Triệu đồng | 500     | 1.400   | 2.800   | 4.500   | 6.000   |
| 6   | Lợi nhuận sau thuế                        | Triệu đồng | 400     | 1.120   | 2.240   | 3.600   | 4.800   |
| 6.1 | Trích quỹ đầu tư phát triển (15%)         | Triệu đồng | 60      | 168     | 336     | 540     | 720     |
| 6.2 | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (5%)       | Triệu đồng | 20      | 56      | 112     | 180     | 240     |
| 6.3 | Trả cổ tức (bao gồm cả phần vốn nhà nước) | Triệu đồng | 300     | 500     | 500     | 600     | 800     |
| 6.4 | Lợi nhuận để lại tái đầu tư               | Triệu đồng | 20      | 396     | 1.292   | 2.280   | 3.040   |
| 7   | Nộp ngân sách nhà nước                    | Triệu đồng | 1.500   | 2.000   | 2.500   | 3.000   | 4.000   |
| 8   | Số lượng lao động                         | Người      | 626     | 676     | 690     | 700     | 706     |
| 9   | Tổng quỹ lương                            | Triệu đồng | 27.000  | 29.300  | 32.050  | 33.500  | 36.000  |
| 10  | BHXH, BHYT, BHTN                          | Triệu đồng | 8.950   | 9.132   | 9.262   | 9.340   | 9.500   |
| 11  | Tiền lương bình quân (tháng)              | Triệu đồng | 3,8     | 4,3     | 4,6     | 4,8     | 5,1     |
| 11  | Tỷ lệ cổ tức                              | %          | 0,3     | 0,5     | 0,5     | 0,6     | 0,8     |
| 12  | Vốn điều lệ                               | Triệu đồng | 100.000 | 100.000 | 100.000 | 100.000 | 100.000 |

(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình)

**Bảng số 21: Kế hoạch đầu tư, xây dựng sau cổ phần hóa**

Căn cứ kế hoạch sản xuất, kinh doanh sau cổ phần hóa và nhu cầu thị trường trong những năm tới, Công ty xây dựng kế hoạch đầu tư sau cổ phần hóa như sau:

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| TT | Nội dung                                                                                                    | Năm 2017 | Năm 2018 | Năm 2019 | Năm 2020 | Năm 2021 | Nguồn vốn                                                               |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----------|----------|----------|----------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Đầu tư rộng mới và chăm sóc diện tích cao su KTCB                                                           | 11.300   | 12.500   | 13.500   | 15.500   | 16.500   | Vốn vay và tự có                                                        |
| 2  | Sản xuất cây dược liệu; xây dựng nhà xưởng và chuyển giao công nghệ máy móc, thiết bị chung cất tinh dầu sả | 1.000    | 500      | 500      | 500      | 500      | Vốn hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp KHTU (chương trình NTMN) và vốn tự có |
| 3  | Xây dựng hệ thống nhà xưởng, dây chuyền sản xuất đá xây dựng                                                |          | 9.000    | 5.000    | 2.000    |          | Vốn vay và tự có                                                        |
| 4  | Cải tiến công nghệ, nâng cấp các dây chuyền sản xuất mủ cao su, nhà xưởng sản xuất hiện có                  | 500      | 500      | 500      | 1.000    | 1.500    | Vốn tự có                                                               |
| 5  | Đầu tư xây dựng đường nội vùng và xây dựng khác                                                             | 2.000    | 1.500    | 1.500    | 1.500    | 1.500    | Vốn tự có                                                               |



**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA**

|   |                                    |               |               |               |               |               |           |
|---|------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|-----------|
| 6 | Mua mới xe 7-16 chỗ                | 1.200         |               |               |               | 1.500         | Vốn tự có |
| 7 | Xây dựng khu thổ cư đội Quyết Tiến | 1.500         | 1.000         |               |               |               | Vốn tự có |
|   | <b>Tổng cộng</b>                   | <b>17.500</b> | <b>25.000</b> | <b>21.000</b> | <b>20.500</b> | <b>21.500</b> |           |

*(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình)*

**Bảng số 22: Kế hoạch sử dụng lao động 05 năm sau cổ phần hóa**

| TT       | Chỉ tiêu                                      | Năm 2017   | Năm 2018   | Năm 2019   | Năm 2020   | Năm 2021   |
|----------|-----------------------------------------------|------------|------------|------------|------------|------------|
|          | <b>Tổng số lao động</b>                       | <b>626</b> | <b>676</b> | <b>690</b> | <b>700</b> | <b>706</b> |
| <b>1</b> | <b>Lao động phân theo trình độ</b>            |            |            |            |            |            |
| 1.1      | Đại học                                       | 54         | 60         | 65         | 65         | 75         |
| 1.2      | Cao đẳng                                      | 5          | 5          | 3          | 3          | 3          |
| 1.3      | Trung cấp                                     | 16         | 16         | 12         | 8          | 4          |
| 1.4      | Khác                                          | 551        | 595        | 614        | 624        | 624        |
| <b>2</b> | <b>Lao động phân theo tính chất công việc</b> | <b>626</b> | <b>676</b> | <b>690</b> | <b>700</b> | <b>706</b> |
| 2.1      | Lao động gián tiếp, phục vụ                   | 75         | 81         | 76         | 76         | 76         |
| 2.2      | Lao động trực tiếp                            | 551        | 595        | 614        | 624        | 630        |

*(Nguồn: Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình)*

**4. Giải pháp thực hiện sau cổ phần hóa**

**✦ Giải pháp về sắp xếp tổ chức bộ máy**

Sau khi cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Việc thành lập HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc sẽ tuân theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp và quy định hiện hành về công ty cổ phần. Cơ sở hoạt động của công ty cổ phần là Điều lệ, trên cơ sở tôn trọng pháp luật và các quy định có liên quan.

Cơ cấu quản lý và bộ máy tổ chức Công ty cũng sẽ được sắp xếp, tinh giản ở mức hợp lý nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả. Việc sử dụng lao động sau khi chuyển sang công ty cổ phần thực hiện theo các nguyên tắc sau:

- Sử dụng tối đa số lao động hiện có tại thời điểm cổ phần hoá, trên tinh thần tinh gọn, hiệu quả nhằm đáp ứng nhu cầu và định hướng hoạt động trong tương lai của Công ty.
- Chọn lựa cán bộ có đủ tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ chính trị, phẩm chất đạo đức để xem xét đưa vào danh sách cán bộ quy hoạch, dự bị nhằm chủ động có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ kế thừa.
- Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm các chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

**✦ Giải pháp về quản trị doanh nghiệp**

***Xây dựng và hoàn thiện hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ***

Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:

- Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Quan hệ nội bộ Công ty.
- Quan hệ giữa Công ty với các công ty thành viên.
- Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.

Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.

### ***Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý***

Công nghệ thông tin đóng một vai trò rất quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và đã chứng tỏ tầm ảnh hưởng rất lớn đến mọi mặt của đời sống xã hội, đặc biệt là hoạt động quản lý kinh doanh của doanh nghiệp.

Để phát huy vai trò của công nghệ thông tin trong quản lý kinh doanh, Công ty cần đẩy mạnh hơn nữa việc ứng dụng công nghệ thông tin, vừa đề tạo ra những biến chuyển mang tính bước ngoặt trong sản xuất, vừa góp phần giảm nhẹ các thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Công ty đề ra các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như sau:

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện và nâng cao hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, kinh doanh bao gồm các nội dung chủ yếu như: hệ thống thư điện tử; hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành; số hóa nguồn thông tin ở dạng số theo thứ tự ưu tiên về thời gian và tầm quan trọng; tăng cường sử dụng văn bản điện tử; phát triển và cung cấp thông tin trực tuyến; thông tin công khai về tuyển dụng, chế độ lương, hưu, bảo hiểm, khen thưởng và kỷ luật.

- Phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; tiếp tục xây dựng, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công nhân viên; tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dự án và đẩy mạnh ứng dụng đào tạo trực tuyến cho cán bộ, công nhân viên.

- Đầu tư thiết bị công nghệ thông tin một cách đồng bộ; trang bị sử dụng một số phần mềm chuyên dụng để ứng dụng vào quản lý, kinh doanh như: phần mềm dùng chung quản lý văn bản, phần mềm quản lý nhân sự - lao động, phần mềm quản lý kế toán, phần mềm quản lý vật tư - thiết bị để giảm thiểu việc sử dụng giấy tờ; khuyến khích cán bộ, công nhân viên khai thác thông tin trên môi trường mạng phục vụ công tác.

- Tăng cường và khuyến khích sử dụng các hình thức truyền thông cơ bản như thư điện tử, điện thoại, fax; đưa thông tin lên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của Công ty để trao đổi thông tin ở khoảng cách xa, tạo thói quen làm việc của cán bộ, công nhân viên trên môi trường mạng và hệ thống thông tin trợ giúp nhằm thay thế văn bản giấy.

- Từng bước tích hợp các hệ thống thông tin, tiếp tục xây dựng và mở rộng hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành chung của Công ty.

### **➦ Giải pháp về nguồn nhân lực**

#### ***Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, sử dụng nguồn nhân lực***

Việc nâng cao hiệu quả công tác quản lý và sử dụng nhân sự gồm việc phân công lao động hợp lý; thường xuyên định biên đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên; thực hiện và đảm bảo các chế độ, chính sách cho người lao động.

#### ***Về phân công lao động hợp lý:***

Để có cơ sở phân công lao động hợp lý, Công ty thường xuyên đánh giá năng lực cán bộ, nhân viên, việc đánh giá năng lực của cán bộ, nhân viên được thực hiện hàng năm để



đánh giá các chỉ tiêu hiệu quả làm việc, bên cạnh đó cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, nhân viên. Việc phân công lao động hợp lý sẽ giúp cho việc kiểm soát, quản lý và điều hành được hiệu quả.

**- Đảm bảo các chế độ chính sách và khuyến khích người lao động:**

Để khuyến khích người lao động làm việc một cách tự giác, hết mình, phát huy hết khả năng của mình, Công ty có chính sách khuyến khích và có chế độ ưu đãi đối với người lao động, cụ thể là:

Chăm lo, bảo vệ quyền lợi chính đáng, hợp pháp, đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập và từng bước nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người lao động.

Đổi mới chế độ lương, thưởng; xây dựng chế độ lương, thưởng hợp lý, khoa học, bảo đảm công bằng trong phân phối và phù hợp với tốc độ tăng năng suất lao động, xứng đáng với công sức lao động mà người lao động bỏ ra.

Xem xét hình thức trả lương theo kết quả công việc, trên cơ sở xác định chính xác giá trị công việc, độ phức tạp của công việc, điều kiện đặc thù của công việc với các yếu tố thực tế.

Tạo điều kiện thuận lợi cho những cán bộ có năng lực được cống hiến và phát triển. Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động có đóng góp đặc biệt vào hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người lao động. Thường xuyên tổ chức, phát động các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, tạo sân chơi lành mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần trong CB-CNV. Tăng cường hơn nữa công tác y tế, chăm sóc sức khỏe, phòng chống các loại dịch bệnh, bệnh nghề nghiệp, nhất là đối với những người làm việc trong môi trường nặng nhọc, độc hại. Kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, có sáng kiến cải tiến công cụ, phương pháp làm việc. Xử phạt nghiêm minh các trường hợp vi phạm nội quy, quy chế của Công ty

**Nâng cao hiệu quả công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự**

Công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự là hoạt động quản lý nhân lực quan trọng. Trong quá trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự cần lựa chọn những cá nhân thích hợp, có đầy đủ trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Công ty cần xem xét thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đúng quy trình tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, đánh giá đúng trình độ, năng lực của ứng viên, lựa chọn những người có năng lực thực sự và phù hợp với công việc góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hiệu quả kinh doanh.

- Cán bộ được bổ nhiệm vào các vị trí lãnh đạo, quản lý, ngoài khả năng chuyên môn, cần đánh giá tư chất lãnh đạo qua khả năng thu hút đám đông, có uy với đồng nghiệp, cá tính phù hợp như phải quyết đoán, dũng cảm, khách quan, có khả năng tiếp thu các vấn đề khó, phức tạp, sẵn sàng nhận nhiệm vụ, dám nhận trách nhiệm.

- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và bổ nhiệm nhân sự, Công ty sẽ xây dựng được một đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, năng lực giỏi, thành thạo trong việc sử dụng trang thiết bị mới và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất kinh doanh; tạo điều kiện để làm tinh gọn bộ máy quản lý, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

**Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực**

Để nắm bắt nhanh các cơ hội kinh doanh, đồng thời thích ứng và đối phó hiệu quả với những thách thức thường xuyên của thị trường, Công ty thực hiện công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực như sau:



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

- Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ, nhân viên được nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng tay nghề thông qua việc tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng. Thực hiện tốt công tác đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cao để người lao động thực hiện tốt nhiệm vụ, công việc theo yêu cầu nhằm hoàn thành khối lượng, chất lượng sản phẩm cho Công ty.

- Chú trọng việc trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ thông tin vào công tác quản lý nguồn nhân lực, tổ chức sắp xếp lại lao động giảm tải về quản lý, nhất là việc áp dụng phần mềm vào công tác quản lý kế toán, tiền lương, đất đai, vườn cây nhằm đáp ứng kịp thời cho công tác quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty trước tình hình mới.

- Tiếp tục tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức mới; có kế hoạch bổ sung thay thế và nâng cao chất lượng lao động trên cơ sở thực hiện tốt công tác đào tạo kết hợp với việc tuyển dụng mới lao động được đào tạo cơ bản. Đặc biệt chú trọng đến đội ngũ cán bộ trẻ, coi đó là việc đầu tư cho tương lai.

### **Thu hút và sử dụng nhân tài**

- Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng đối với các đối tượng là sinh viên tốt nghiệp đại học có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí cần tuyển, có chuyên ngành đào tạo thuộc các chuyên ngành, lĩnh vực quản trị, kinh doanh quan trọng của Công ty; công nhân kỹ thuật có tay nghề cao.

- Cụ thể hoá các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhân tài, tạo điều kiện để nhân tài phát triển, cống hiến cho Công ty và tự khẳng định mình để được xã hội tôn vinh.

- Thực hiện chính sách trọng dụng, đãi ngộ và tôn vinh nhân tài, xây dựng chính sách đãi ngộ nhân tài như chế độ lương, điều kiện làm việc, khen thưởng, tôn vinh người có tài, người có công, bố trí sử dụng nhân tài; tạo môi trường làm việc và có chính sách khuyến khích những công trình nghiên cứu, sáng kiến cải tiến kỹ thuật có giá trị thực tiễn cao.

- Tiến hành đánh giá và có kế hoạch bố trí, sử dụng nhân tài một cách hợp lý. Cán bộ, nhân viên thuộc diện tài năng trẻ, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ và năng lực trong quản lý, điều hành công việc được giao đạt chất lượng cao được ưu tiên tạo điều kiện trong công tác, cụ thể như sau:

+ Được bố trí, phân công công việc phù hợp với năng lực, sở trường, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

+ Được ưu tiên tạo điều kiện về nghiên cứu, học tập nâng cao trình độ.

+ Được ưu tiên xem xét trong việc bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý của Công ty.

✚ Giải pháp về vốn, tài chính

### **Thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực tài chính**

Tăng cường các hình thức huy động vốn để đảm bảo vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty đồng thời tích lũy vốn để mở rộng đầu tư phát triển. Công ty sẽ phát huy các nguồn vốn sau để bổ sung vốn kinh doanh, vốn điều lệ:

- Thực hiện các giải pháp tăng vốn điều lệ và nâng cao năng lực tài chính của Công ty để có được tình hình tài chính lành mạnh khi cần thiết.

- Tăng cường làm việc với ngân hàng đã có quan hệ tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, điều chỉnh lại các khoản nợ, giảm lãi vay nhằm giảm bớt gánh nặng về tài chính.

- Tập trung nâng cao hiệu suất sử dụng thiết bị. Điều chuyển nội bộ để sử dụng hợp



## PHƯƠNG ÁN CỎ PHẦN HÓA

lý hơn; thanh lý, bán bớt những máy móc thiết bị không còn phù hợp;

- Thực hiện chính sách tiết kiệm, hạn chế chi tiêu; sử dụng vốn vay một cách hiệu quả nhất.

- Đầu tư vốn hướng tới mục tiêu tận dụng hết khả năng nhân lực hiện tại, đồng thời mang lại tích lũy nhanh. Các hoạt động đầu tư sẽ nhắm tới các công ty, các dự án mang tính chiến lược và có nhiều khả năng thu lợi nhuận lớn.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát về tài chính, kế toán đối với các đơn vị trong Công ty; đồng thời đẩy mạnh công tác hướng dẫn, chỉ đạo nghiệp vụ đối với các đơn vị trực thuộc.

- Thực hiện tốt công tác tài chính kế toán, công tác lao động, tiền lương, các chế độ chính sách đối với người lao động theo đúng quy định của Công ty và pháp luật hiện hành, đảm bảo tính công khai và minh bạch.

### **Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí**

- Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại...

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh các định mức KTKT sao cho phù hợp với điều kiện thực tế sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

- Hạn chế, tiết kiệm chi phí tiếp khách, chi phí đi công tác (giảm chi phí vé máy bay, tàu xe, phòng nghỉ...) và các chi phí khác.

- Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả.

- Rà soát bảo trì, bảo quản thiết bị dây chuyền chế biến; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa...

- Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan,... chưa thực sự cần thiết và chi tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.

### **➤ Giải pháp về khoa học công nghệ**

Trong cơ chế thị trường, công nghệ là hàng hóa đặc biệt, nó sẽ giúp tạo ra đột phá trong việc giảm giá thành, nâng cao chất lượng và rút ngắn thời gian sản xuất mang lại lợi thế to lớn trong việc giảm giá thành, Công ty tăng cường đầu tư về công nghệ để sở hữu công nghệ mới thông qua các hợp đồng mua bản quyền, hoặc chuyển giao công nghệ sản xuất có áp dụng công nghệ mới tiên tiến.

Đối với công nghệ chuyển giao qua các hợp đồng mua sắm thiết bị, được cập nhật đầy đủ nội dung theo quy trình, khai thác cao nhất các yếu tố liên quan của công nghệ. Tiến hành rà soát lại số lượng, chất lượng trang thiết bị hiện có, đối chiếu với chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để xác định nhu cầu và đẩy mạnh đầu tư mới thiết bị.

Để tạo ra sự cạnh tranh hợp lý trong chiến lược kinh doanh. Công ty thường xuyên tìm kiếm các đối tác trong nước và nước ngoài để hợp tác liên doanh, liên kết nhằm tận dụng được kinh nghiệm sẵn có của đối tác để hình thành một liên danh có sức mạnh tổng hợp và có ưu thế trong sản xuất kinh doanh.

Thực hiện quy trình kỹ thuật phù hợp và linh hoạt, liên hệ chặt chẽ với Viện nghiên cứu cao su để đưa các ứng dụng mới về khai thác, chăm sóc, bảo vệ thực vật vào sản xuất để rút ngắn thời gian KTCB, tăng năng suất vườn cây, giảm chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Từng bước áp dụng chế độ cạo d/3, d/4 để tăng năng suất lao động, tăng tiền lương công nhân.

Tăng cường công tác quản lý trồng mới, chăm sóc và khai thác vườn cây cao su đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật. Đảm bảo chất lượng nguyên liệu từ vườn cây đến nhà máy. Đầu tư thâm canh vườn cây hợp lý từ khâu chăm sóc, bón phân đến bảo vệ thực vật. Tìm



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

tôi, học tập, cập nhật, áp dụng khoa học kỹ thuật nông nghiệp tiên tiến trong việc trồng mới chăm sóc vườn cây tái canh. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương làm tốt công tác phòng chống mất cắp mùa, bảo vệ tài sản, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên các địa bàn Công ty trú đóng.

Tiếp tục thực hiện chính sách đầu tư và đổi mới công nghệ hiện đại, cải tiến kỹ thuật, tăng cường kiểm tra chất lượng sản phẩm từ khâu tuyển chọn nguyên liệu, chế biến, bảo quản lưu kho nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng khắt khe của thị trường. Duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.

### ✦ 6. Giải pháp về thị trường

- Thường xuyên đa dạng hóa về chủng loại sản phẩm hàng hóa, với các loại sản phẩm đã xác định ngành nghề sản xuất kinh doanh.

- Đổi mới công nghệ để hạ giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định.

- Cải tiến bao bì, nhãn mác, logo,...

- Tham gia các hội chợ triển lãm để giới thiệu tiềm năng, sản phẩm của Công ty, kêu gọi hợp tác đầu tư.

- Trước mắt xác định thị trường nội địa là chiến lược xuyên suốt để tiêu thụ sản phẩm và hướng tới thị trường xuất khẩu sản phẩm mù cao su.

- Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác Marketing, công tác dự báo, nghiên cứu thị trường. Xây dựng mạng lưới các đại lý phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

### ✦ Các giải pháp khác

- Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao hơn nữa tinh thần làm chủ ý thức trách nhiệm trong đội ngũ CBCNV: thường xuyên tiếp cận, truyền tải thông tin đến toàn thể người lao động về các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các phương án, cơ chế tổ chức và quản lý, nội qui, quy chế của doanh nghiệp, giải thích vận động cho họ hiểu rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình trước Công ty, trước Nhà nước từ đó tạo động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của Công ty.

- Đẩy mạnh công tác thi đua, khen thưởng nhằm tạo động lực phấn đấu thúc đẩy quá trình sản xuất kinh doanh và các mặt hoạt động khác.

- Tăng cường mối quan hệ với các địa phương, các ban ngành và cơ quan cấp trên để tranh thủ sự lãnh đạo và tạo điều kiện giúp đỡ, tăng cường sức mạnh ngoại lực để tổ chức thực hiện tốt các mục tiêu, định hướng và nhiệm vụ đã đề ra.

## 5. Kế hoạch đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

### ✦ Lý do, lợi ích của việc đăng ký giao dịch:

- Thị trường chứng khoán là một thể chế tài chính bậc cao và việc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán là xu thế phát triển tất yếu của các doanh nghiệp. Thị trường chứng khoán Việt Nam tuy mới đi vào hoạt động nhưng đã đạt được những thành tựu đáng kể góp phần quan trọng cho sự phát triển của nền kinh tế cũng như các doanh nghiệp. Khi đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Lệ Ninh sẽ có những lợi ích như sau:

- + Thuận lợi hơn trong việc huy động vốn;

- + Gia tăng vị thế và uy tín của Công ty;

- + Tăng tính thanh khoản cho cổ phiếu của Công ty;

- + Tăng cường tính minh bạch trong công tác điều hành, quản lý Công ty.

### ✦ Kế hoạch đăng ký giao dịch

Với những lợi ích của việc đăng ký giao dịch nêu trên, đồng thời thực hiện theo quy định của pháp luật về việc đăng ký cổ phiếu sau khi cổ phần hóa, cổ phiếu của Công ty



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

Cổ phần Lê Ninh dự kiến sẽ được đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) khi đủ điều kiện theo quy định về đăng ký giao dịch chứng khoán.



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### PHẦN THỨ SÁU RỦI RO DỰ KIẾN

#### **1. Rủi ro kinh tế**

Kể từ khi tiến hành đổi mới, mở cửa để hội nhập với thế giới với việc Việt Nam chính thức trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và tham gia một loạt các Hiệp định song phương, đa phương thì những biến động của nền kinh tế toàn cầu sẽ có ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế Việt Nam.

Trong năm 2016, đà tăng trưởng của nền kinh tế toàn cầu đã chậm hơn so với mức kỳ vọng do sự giảm sút của các nền kinh tế công nghiệp hóa lẫn các nước đang phát triển sống nhờ vào xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu. Việt Nam cũng không nằm ngoài ảnh hưởng tiêu cực, đặc biệt là từ việc đồng USD tăng giá trong gần nửa cuối năm 2016. Bên cạnh đó, vào tháng 4 năm 2016, Việt Nam bị khủng hoảng môi sinh tại các tỉnh miền Trung và vùng Châu thổ Cửu Long bị hạn hán nghiêm trọng. Chính nạn ô nhiễm này cùng với thông tin TPP sẽ không được thông qua đã khiến giới đầu tư nước ngoài ngần ngại khi đầu tư vào thị trường Việt Nam trong tương lai và dẫn đến dòng vốn bị rút ròng.

Về tổng thể, năm 2017, nền kinh tế Việt Nam được dự báo vẫn tiếp tục thuộc nhóm có tốc độ tăng GDP cao hàng đầu khu vực, cân đối vĩ mô vẫn sẽ được bảo đảm, dự trữ ngoại tệ được bảo tồn. Quốc hội đã thông qua chỉ tiêu GDP năm 2017 phải tăng khoảng 6,7%, tốc độ giá tiêu dùng bình quân khoảng 4%, tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khoảng 6 – 7%. Tuy nhiên, đi kèm với việc tăng trưởng nhanh là áp lực lạm phát cũng sẽ gia tăng trong năm 2017. Ngoài ra, khả năng nhu cầu nông sản và giá nông sản thế giới được dự báo sẽ phục hồi cũng góp phần làm tăng giá hàng lương thực, trong khi kỳ vọng mang lại lợi ích cho nông dân và hoạt động xuất khẩu nông sản.

#### **2. Rủi ro luật pháp**

Việc ban hành hoặc thay đổi chính sách, quy định mới liên quan đến hoạt động của ngành có ảnh hưởng tới Công ty. Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự hoàn chỉnh và ổn định, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Sau khi cổ phần hóa, hoạt động của Công ty vừa chịu sự sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Tuy nhiên, hệ thống luật pháp Việt Nam chưa đồng bộ, đang trong quá trình hoàn thiện mới, các Nghị định, Thông tư, văn bản hướng dẫn cũng chưa thật đầy đủ, thị trường chứng khoán là lĩnh vực còn rất mới mẻ mà Doanh nghiệp cũng như nhà đầu tư chưa thực sự am hiểu để thực hiện đúng. Do đó nếu có sự thay đổi thì sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình giao dịch cổ phiếu của Công ty.

#### **3. Rủi ro đặc thù**

Theo báo cáo của Tổ chức Nông Lương Liên hiệp quốc (FAO) hiện nay nhiệt độ trái đất tăng bình quân hàng năm là 0,5°C, nhiều sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp bị ảnh hưởng nặng nề, không chỉ về sản lượng mà cả về chất lượng. Hoạt động trong lĩnh vực trồng trọt Công ty chịu ảnh hưởng trực tiếp đến sự biến đổi khí hậu, thời tiết do xu thế chuyển đổi rừng tự nhiên sang rừng trồng nên: Lượng mưa giảm, xói mòn tăng, nước mặt, nước ngầm ngày càng khan hiếm... Lốc xoáy ngày càng phổ biến làm thiệt hại tài sản vườn cây, các công trình xây dựng không kiên cố (Trạm, trại...). Do vậy, trước những rủi ro biến đổi khí hậu cần có giải pháp về giống cây trồng, phương pháp kỹ thuật và nhiều động thái góp phần cải tạo môi trường sống.

Tỷ trọng cao su già cỗi cao su Việt Nam ở vùng trồng truyền thống hiện đang ở mức cao dẫn đến năng suất, chất lượng sản phẩm khai thác sụt giảm. Cùng với đó là giá



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

cao su xuống thấp trong những năm trước đó đã khiến xảy ra tình trạng cạnh tranh đất tái canh cao su với cây trồng khác ở các địa phương.

### 4. **Rủi ro của đợt chào bán**

Trong giai đoạn 2015-2016, Thủ tướng Chính phủ đang đẩy mạnh quá trình tái cơ cấu và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nên nguồn cung cổ phiếu tăng mạnh. Chính điều này đã tạo nên áp lực thị trường khó hấp thụ được hết số cổ phần chào bán. Mặt khác, quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phần mà mỗi quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào yếu tố mang tính kinh tế và tâm lý của nhà đầu tư. Bên cạnh đó do hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp nên sự quan tâm của các nhà đầu tư đến Công ty còn chưa nhiều. Do đó, Công ty chịu áp lực rủi ro đợt chào bán không phân phối hết số cổ phần.

Cổ phiếu của Công ty chưa được đưa vào giao dịch tập trung nên tính thanh khoản thấp hơn so với các Công ty hoạt động trong cùng lĩnh vực có cổ phiếu niêm yết trên sàn giao dịch. Đợt chào bán cổ phần của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán niêm yết tại thời điểm chính thức đấu giá, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn cổ phần của Công ty.

### 5. **Rủi ro khác**

Bên cạnh những yếu tố rủi ro đã nêu trên, còn có các yếu tố rủi ro xảy ra do hiện tượng thiên nhiên khách quan, mang tính bất khả kháng như thiên tai (bão, lụt, hạn hán, dịch bệnh, động đất...), chiến tranh hoặc hỏa hoạn... Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ra không ít khó khăn và ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

### **PHẦN THỨ BẢY** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **1. Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt**

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình được UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt, Công ty sẽ tổ chức thực hiện đề án theo kế hoạch tiến độ cụ thể như sau:

**Bảng số 23: Các bước tiến hành sau khi phương án được duyệt**

| TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                              | Dự kiến thời gian |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| 1  | Ban chỉ đạo xem xét, thẩm định phương án CPH                                                                                                                                    | Tháng 4/2017      |
| 2  | Trình UBND tỉnh phê duyệt phương án cổ phần hóa                                                                                                                                 | Tháng 4/2017      |
| 3  | Trình Sở Kế hoạch Đầu tư xem xét, thẩm định Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần; Trình UBND tỉnh phê duyệt Điều lệ Công ty Cổ phần.                                    | Tháng 5/2017      |
| 4  | Mở tài khoản phong tỏa để thu tiền bán cổ phần                                                                                                                                  | Tháng 5/2017      |
| 5  | Thành lập hội đồng bán đấu giá và quy chế bán đấu giá cổ phần lần đầu                                                                                                           | Tháng 5/2017      |
| 6  | Nộp hồ sơ đăng ký đấu giá tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội                                                                                                                   | Tháng 5/2017      |
| 7  | Bố cáo thông tin về đợt phát hành cổ phần lần đầu trên các phương tiện thông tin đại chúng                                                                                      | Tháng 6/2017      |
| 8  | Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội                                                                                                         | Tháng 6/2017      |
| 9  | Thông báo giá bán cổ phần thành công cho người lao động, thu tiền mua cổ phần ưu đãi, cổ phần theo đăng ký; Chuyển tiền bán cổ phần cho người lao động vào tài khoản phong tỏa. | Tháng 6/2017      |
| 10 | Báo cáo kết quả bán cổ phần lần đầu với Ban chỉ đạo, đề xuất phương án xử lý đối với cổ phần không bán hết (Nếu có); Điều chỉnh cơ cấu vốn thực tế theo kết quả bán cổ phần.    | Tháng 7/2017      |
| 11 | Đề xuất cử người đại diện vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần; Báo cáo kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông thành lập.                                                                 | Tháng 7/2017      |
| 12 | Tổ chức Đại hội cổ đông thành lập; Bầu Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và bổ nhiệm ban giám đốc Công ty Cổ phần                                                                | Tháng 8/2017      |
| 13 | Hoàn thiện thủ tục đăng ký kinh doanh; Khuôn dấu; Cấp sổ chứng nhận cổ phần của các cổ đông                                                                                     | Tháng 8/2017      |
| 14 | Tổ chức ra mắt Công ty Cổ phần.                                                                                                                                                 | Tháng 8/2017      |
| 15 | Tiến hành các thủ tục bàn giao lao động, tài sản và các tài liệu có liên quan cho HĐQT Công ty Cổ phần                                                                          | Tháng 9/2017      |

#### **2. Kiến nghị**

Để sớm ổn định tổ chức và kinh doanh sau khi chuyển đổi sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Bình và các Sở Ban ngành ban hành các quy định, chính sách phù hợp để các doanh nghiệp đang hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp khi mới chuyển đổi sang Công ty cổ phần hoạt động được thuận lợi, ổn định, cụ thể:

*Thứ nhất*, Để quá trình cổ phần hóa thành công và nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định, Công ty TNHH Một thành viên Lệ Ninh – Quảng Bình kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Ban Đổi mới và quản lý doanh nghiệp tỉnh và UBND tỉnh Quảng Bình cho ý kiến về việc sớm phê duyệt phương án cổ phần theo hình thức, quy mô và cơ cấu vốn



## PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

điều lệ mà doanh nghiệp đã cân nhắc và lựa chọn phù hợp với chủ trương định hướng của Đảng và Nhà nước.

*Thứ hai,* Tiếp tục hỗ trợ và tạo điều kiện để doanh nghiệp phát triển ổn định lâu dài sau khi chuyển thành Công ty cổ phần nhằm tạo điều kiện ổn định về công việc cho cán bộ công nhân viên lao động yên tâm làm việc và đơn vị sau cổ phần hóa, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

*Thứ ba,* Trong trường hợp không bán hết cổ phần theo phương án, kính đề nghị UBND tỉnh Quảng Bình xem xét, điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ để chuyển Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình thành Công ty cổ phần theo quy định.

Việc cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình là phù hợp với chủ trương, chính sách của Nhà nước và cần thiết để mở rộng quy mô, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường hoạt động, nâng cao năng lực quản trị của công ty, thu hút nguồn vốn đầu tư bên ngoài nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình kính đề nghị Ban chỉ đạo cổ phần hóa, Ban đổi mới doanh nghiệp xem xét, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Lê Ninh – Quảng Bình để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng quy định của Nhà nước.

Nơi nhận:

- BCĐ CPH DN tỉnh Quảng Bình;
- BDM doanh nghiệp tỉnh Quảng Bình;
- Ban Giám đốc;
- Lưu Công ty.

Quảng Bình, ngày 10 tháng 4 năm 2017



NGUYỄN NGỌC SƠN